TRÌ THẾ BỒ TÁT PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

TRÌ THẾ BỒ TÁT

_Trì Thế Bồ Tát có tên Phạn là **Ārya Sutāre** (Thánh Thiện Cứu Độ) hay **Sudhāre** (Thiện Trì), **Dhāra-loka-jvala** (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là **Vasudhāra** hoặc **Vasudhāri** (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

Vasudhāri nguyên là vị Nữ Thần **Tài Phú** (tiền của giàu sang) của Ấn Độ Giáo,

Tôn Tượng Vasudhāri ở Ấn Độ:



Thần Chú của Vasudhāri là:

OṂ_ ŚRĪ VASUDHĀRA RATNA NIDHĀNA KASHETRI SVĀHĀ

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì **Vasudhāra** hay **Vasudhāri** được ghi nhận là vị Thần chuyên chủ quản tiền của giàu sang của thế gian, hay vì chúng sinh mang đến các loại tiền của giàu sang và trân bảo. Tại đất Hán thì Tôn này được xưng là Trì Thế Bồ Tát, Vũ Bảo Bồ Tát. Tại đất Tây Tạng thì Tôn này được xưng là Tài Nguyên Thiên Mẫu, Tài Nguyên Phật Mẫu, Tài Bảo Phật Mẫu, Tài Tục Phật Mẫu, Bảo Nguyên Độ Mẫu…

_Hệ thống Hán Truyền Phật Giáo ghi nhận là:

.)Bạch Bảo Khẩu Sao ghi chép là: "**Trì Thế** có nghĩa là: Tiêu diệt hết thảy tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch… khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế. Vị Bồ Tát này nơi cúng dường của người cầu Phước"

.)Theo Tạng Ngữ thì **Trì Thế** là ý tứ của vật báu tuôn như mưa (vũ bảo)

_Có thuyết cho rằng **Trì Thế Bồ Tát** (Dhāra-loka-jvala-bodhisatva) là hóa thân của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata). Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)".

.)**Biệt Tôn Tạp Ký** ghi nhận Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát là:

Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyến, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu), tay trái tác thế Dữ Nguyện. Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị **Long Vương** (Nāga-rāja): Một vị dùng tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên (**Mahā-jaya-veva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng , hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp **Suất Đổ Ba** (Stūpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chắp tay hướng về Đại Thắng Thiên



_ Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là: Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mão, thân khoác áo lụa mỏng , trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyến châu báu…



Trì Thế Đà La Ni Pháp còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp.** Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1_ **Trì Thế Đà La Ni** Kinh (Vasudhārā-dhāraṇī-sūtra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni** Kinh do ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tất Đàn đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669). Ngoài ra bản dịch của ngài BẤT KHÔNG có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni** Kinh do ngài PHÁP THIÊN dịch vào đời Tống.

4_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni** Kinh do ngài THI HỘ dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài NGHĨA TỊNH đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp.**

_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ DA (य) mang nghĩa "***Thí Dữ*** (ban cho) ***bất khả đắc***" biểu thị cho việc ***ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh***

_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu . Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích**. Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vằn lóng trên của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng lóng giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trỏ.



Chân Ngôn của Ấn trên là:

Căn Bản Chú :

OṂ_ VASUDHĀRI SVĀHĀ

Tâm Chân Ngôn:

OṂ_ ŚRĪ-VASU SVĀHĀ

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

OṂ_ VASU SVĀHĀ

_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:

Biệt Hạnh Pháp ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba

Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong

Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.

Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi, an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)

_ Bài **Tán Thán** Bồ Tát là:

KAMALA MUKHE

KAMALA LOCANA

KAMALĀSANA

KAMALA HASTA

KAMALA BHAMUNI

KAMALA KAMALA-SAṂBHAVA

KAMALA KṢARA

NAMOSTUTE

Kinh ghi: "***Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thảy bệnh dịch, nạn đói khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dần Phước Tuệ, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề***"

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo, căn cứ vào sự ghi chép của **Bản Tục**: "Ở trong Kiếp quá khứ lâu xa, khi Đức Phật **Ca Diếp** (Kāśyapa) trụ ở đời thời vị Thiên Mẫu này dùng Công Đức **Bố Thí** (Dāna) thù thắng cho nên chuyển sinh đến cõi Trời **Tam Thập Tam Thiên**. Nếu hay thành tâm cúng dường thì Hành Giả hay được mang đến tiền của giàu sang và các loại trân bảo".

Khi Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) trụ ở đời thời Tài Nguyên Thiên Mẫu lại sinh ra từ trong nước, tên là **Cam Đăng Lạp Ma**, cũng là **Hằng Hà Thiên Nữ**. Ngài cũng hiện hóa làm một trong 21 vị Độ Mẫu

Do sự truyền thừa chẳng đồng nhau cho nên sự hóa hiện của Tài Nguyên Thiên Mẫu cũng chẳng tương đồng. Có lúc hóa hiện hình tượng một mặt hai cánh tay, có lúc hóa hiện hình tượng một mặt sáu cánh tay, hoặc hình tượng ba mặt sáu cánh tay, hoặc đồng thời hiện ra hình tượng **Song Thân Song Vận** với Thần Tài.

Hình tượng của Tài Nguyên Thiên Mẫu là toàn thân hiển màu vàng sáng, khoác áo Trời (Thiên Y) đeo mọi loại châu báu Anh Lạc làm vật trang sức, Thần Thái trang nghiêm an tịnh, kết tòa Như Ý, an trụ trong vành trăng trên hoa sen

_Hình tướng một mặt hai cánh tay thì tay phải cầm quả hay mãn túc tất cả Tâm Nguyện, tay trái kết **Thí Y Nguyện Ấn** kèm vịn hoa **Ô Bà La** (Utpāla), cành hoa men theo cánh tay rồi nở rộ ở bên lỗ tai, trên hoa có báu Ma Ni, đầy đủ mọi loại châu báu Anh Lạc trang sức của **Báo Thân Phật** (Saṃbhoga-kāya-buddha), an trụ ở vành trăng trên hoa sen



_Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn**, tay trái cầm cái bình báu kèm vịn một bông lúa men theo cánh tay trổ bên lỗ tai, ngồi theo tư thế Du Hý tại vành trăng trên hoa sen



Ý nghĩa của hình tượng:

.)**Thân màu vàng sáng** biểu thị cho **Kim Cương Như Ý Bộ** (Vajra-maṇi-kulāya) của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) ở phương Nam

.)**Tay phải tác Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho nguyện vọng ban bố tiền của và sự thành tựu cho chúng sinh

.)**Tay trái cầm cái bình báu kèm vịn bông lúa** biểu thị cho nguồn Tư Lương Trí Tuệ thành Phật có được từ sự Bố Thí rộng rãi

_Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn** kèm vịn bông lúa, tay trái cầm cái cái bát chứa đầy vật báu, ngồi theo tư thế Kim Cương Kiết Già tại vành trăng trên hoa sen



Trong hình tượng này thì **tay phải tác Thí Nguyện Ấn kèm vịn bông lúa** biểu thị cho sự ban cho ngũ cốc được mùa đem lại sự trù phú no ấm. **Tay trái cầm cái bát chứa đầy vật báu** biểu thị cho sự cầu tài tiến bảo, đạt được sự giàu có.

.)Hình tượng một mặt hai cánh tay (**Hoàng Sắc Tài Tục Mẫu**): Thân ấy màu vàng rực rỡ, dùng các loại Anh Lạc quý báu để trang nghiêm, dùng tòa Như Ý, an trú trong vành trăng trên Hoa Sen. Tay phải kết Thắng Thí Diệu Ấn hoặc cầm Quả hay mãn túc tất cả tâm nguyện; tay trái cầm bông Lúa (hoặc cái bình báu) hay kết **Bố Thí Ấn**





Tài Tục Mẫu dung mạo hiền hòa, ban cho Hành Giả tiền của viên mãn tốt lành, tay phải kết Thí Thắng Ấn biểu thị ban cho thành tựu Tài Bảo, tay trái cầm cái Bình báu biểu thị *Bố Thí thịnh vượng giàu sang đầy đủ* là *tiền của Trí Tuệ để thành Phật*. Thân của Tài Tục Mẫu biểu thị Tài Lưu (tiền của lưu chuyển) của Phật Mẫu, lời nói biểu thị Phật Pháp như Cam Lộ chảy thông suốt, Ý biểu thị tiêu trừ tất cả tội ác, ánh sáng chiếu soi công đức vô thượng.

Tu trì Pháp Phật Mẫu này, hay chặt đứt tất cả sự lười biếng, chướng ngại và tâm tạp loạn của người tu hành, có thể tăng trưởng công đức đã nhiếp của Giới Định Tuệ và tất cả Phước của **Tuệ Tài** (tiền tài của Trí Tuệ) hay được Tài Phú với Phật Pháp tôn quý và hay chặt đứt phiền não và tập khí của chúng sinh, nhập vào Viên Mãn Vô Thượng Phật Đạo.

.) Hình tượng một mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất để ngang ngực kết **Vô Uy Ấn**, tay thứ hai cầm châu báu, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất rũ xuống dưới cầm cái tịnh bình, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



_Hình tượng ba mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất tác **Thí Nguyện Ấn**, tay thứ hai cầm viên ngọc báu Ma Ni, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở eo lưng cầm cái bình báu, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



Ý nghĩa của 6 Pháp Khí:

.)**Tay kết Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho nguyện vọng bố thí cho chúng sinh

.)**Tay cầm viên ngọc báu Ma Ni** biểu thị cho sự tốt lành, dùng để cầu hạnh phúc bình an, nạp tiến tài bảo

.)**Tay cầm tràng hạt** biểu thị cho sự tịnh hóa các phiền não

.)**Tay cầm cái bình báu** (hay Tịnh bình) biểu thị cho sự cung kính đối với Phật Pháp, đồng thời tượng trưng cho sự giàu có

.)**Tay cầm bông lúa** biểu thị cho Pháp Khí nguyên bản của Thiên Nữ là giúp cho ngũ cốc được mùa đem lại sự sung túc ấm no

.)**Tay cầm quyển Kinh Bát Nhã** biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt của Phật Pháp

_Hình tượng **Song Thân Song Vận**

Tài Nguyên Thiên Mẫu có tay trái cầm chén sọ người chứa đầy máu, tay phải cầm **Norbu Mebar** hiển thế song vận với **Hồng Tài Thần** theo tư thế đứng múa, đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.



.)Thần Chú của Bản Tôn **Hồng Tài Thần**: OṂ_ JAMBHALA JALENDRAYA DHANAṂ MEDHI HRĪḤ

.)Thần Chú của **Tài Nguyên Thiên Mẫu**: OṂ_ ḌĀKIṆĪ –JAMBHALA SAMBHĀRA SVĀHĀ

Vì **Tài Nguyên Thiên Mẫu** biểu thị cho sự chủ quản về tiền của giàu có của loài người, cho nên Pháp Môn này biểu thị cho sự yêu thương thường đem lại hạnh phúc hôn nhân, gia đình hài hòa, thu hút sự nổi tiếng và giàu có. Do vậy thời xưa, các bậc Vương Giả hoặc hàng Quý Tộc thường tu theo Pháp này

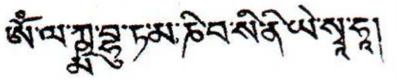
_Thần Chú của Tài Nguyên Thiên Mẫu là:

.)Thần Chú ngắn:



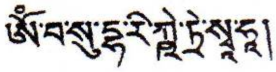
OṂ_ VASU-DHARE SVĀHĀ

.)Tùy Tâm Chú:



OṂ_ LAKṢMA (?Lakṣmī) BHŪTA-MAṆI VASINIYE SVĀHĀ

.)Thần Chú dài:



OṂ_ VASU-DHARI KṢETRE SVĀHĀ

Tụng niệm Thần Chú của Tài Nguyên Thiên Mẫu có thể đạt được vô số lợi ích, tiền của, phước báo

_Tài Nguyên Thiên Mẫu thuộc **Tác Mật** của **Mật Chú Bộ**, quan hệ với **Phật Bộ Tôn** của **Du Già Mật Tục**, ở trong sáu đường chuyên coi sóc Nhân Đạo, cai quản tài phú của Thế Gian và là Phật Mẫu của **Ngũ Lộ Tài Thần**

Bản nguyện của Tài Nguyên Thiên Mẫu là hay khiến cho hết thảy ước nguyện của chúng sinh được viên mãn. Tay kết Bố Thí Ấn tượng trưng cho bố thí tiền của, bố thí pháp, bố thí sự không sợ hãi, siêng năng hành "**Bố Thí Ba La Mật**". Nếu có người nào cúng dường, lễ bái, làm theo như vậy (y chỉ), và tu pháp trì Chú của Tài Nguyên Phật Mẫu ắt hay đạt được mọi Tâm Nguyện, khiến tiền của dồi dào, không lo sợ thiếu thốn.

Nếu người tu trì sau khi được sức gia trì của Tài Nguyên Thiên Mẫu thì đem tài bảo đã đạt được, rộng thực hành **Bố Thí Ba La Mật** ắt mới có thể cùng với Thiên Mẫu tương ứng thành tựu, chứng được Bồ Đề Thắng Quả.

_Bản Phạn **Vasudhārādhāraṇī** ghi nhận một số Chân Ngôn của Tài Nguyên Thiên Mẫu là:

.)Căn Bản Minh là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO DEVI DHANADADUHITE VASUDHĀRE DHANADHĀRĀṂ PĀTAYA, KURU KURU, DHANEŚVARI DHANADE RATNADE HE HEMADHANA RATNA-SĀGARA MAHĀ-NIDHĀNE NIDHĀNA-KOṬI-ŚATA-SAHASRA-PARIVṚTE EHYEHI BHAGAVATI PRAVIŚYA MATPURAṂ MADBHAVANE MAHĀ-DHANA-DHĀNYA-DHĀRĀṂ PĀTAYA KURU KURU.

OṂ_ HRAṂ TRAṬA KAILAVĀSINĪYE SVĀHĀ

.) Đại Minh là:

OṂ_ VASUDHĀRE MAHĀ-VṚṢṬINIPĀTINI VASU SVĀHĀ

.)Căn Bản Tâm là:

OṂ_ VASUDHĀRE SARVĀRTHA-SĀDHINI, SĀDHAYA SĀDHAYA, UDDHARA UDDHARA, RAKṢA RAKṢA, SARVĀRTHA-NIDHAYANTRAṂ VATA ṬATA VAVA TAṆḌA DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tối Thắng Tâm

OṂ NAMO BHAGAVATYAI ĀRYALEVAḌIKE YATHĀ JĪVASAṂ-RAKṢAṆI PHALA-HASTE DIVYA-RŪPE DHANADE VARADE ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚIVA-KARI ŚĀTIKARI BHAYA-NĀŚINI BHAYA-DŪṢAṆI SARVA-DUṢṬĀN BHAÑJA BHAÑJA, MOHAYA MOHAYA, JAMBHAYA JAMBHAYA, STAMBHAYA STAMBHAYA, MAMA ŚĀTIṂ VAŚYAṂ RAKṢĀṂ KURU SVĀHĀ

.)Căn Bản Chú:

OṂ_ ŚRIYE SVĀHĀ

OṂ _DHANA-KARI DHĀNYA-KARI RATNA-VARṢAṆI SVĀHĀ

.)Thành Tựu Chú là:

OṂ VASUDHĀRE SVĀHĀ_ HṚDAYAṂ_ LAKṢMYAI SVĀHĀ_ OṂ UPA-HṚDAYAṂ_ OṂ LAKṢMI- BHŪTALANIVĀSINE SVĀHĀ

Nay dựa theo Kinh Tạng Hán Văn, tôi xin phiên dịch lại 4 Kinh bản trên với mục đích giúp cho người đang tìm hiểu Mật Giáo có tài liệu nghiên cứu. Trong phần dịch thuật, tôi phối hợp hai bản Tất Đàn của ngài HUYỀN TRANG và ngài BẤT KHÔNG

để tái tạo lại bài Phạn Chú của Bồ Tát Trì Thế kèm theo nghĩa thú cơ bản. Ngoài ra tôi chèn thêm một số văn tự Tất Đàn vào các Kinh bản nhằm giúp cho người đọc dễ tham khảo. Lẽ tất nhiên, công việc này còn nhiều khiếm khuyết nên tôi chân thành cầu xin các bậc Đại Đức, chư vị Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi giúp cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí**, Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đay con nghiên cứu các Pháp tu Mật Giáo cho chính đúng**.**

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc,** chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Thu năm Quý Tỵ (2013)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

Mật Tạng Bộ 3 _ No. 1162 (Tr.666_ Tr.667)

KINH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI
(Vasudhārā-dhāraṇī sūtra)

Hán dịch: Đời Đường_ Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ngự tại rừng **Kiến Lịch Ca** (Kaṇṭaka) thuộc nước **Kiều Thướng Di** (Kauśaṃbi) cùng với 500 người thuộc chúng Đại Bật Sô, câu đê số Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự cùng với vô lượng Đại Chúng thuộc nhóm chư Thiên, Người, A Tố Lạc… trước sau vây quanh.

Lúc đó, trong nước ấy có vị Trưởng Lão tên là **Diệu Nguyệt** (Sucandra) Ngài có dung mạo, phong cách ôn hòa, chí nguyện cao xa cùng với rất nhiều tôi tớ nam nữ tin kính Phật Pháp Tăng rất thâm sâu … đi đến nơi Phật ngự cúi đầu đỉnh lễ dưới chân Đức Phật , nhiễu quanh trăm vòng, quay về trụ một bên rồi chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con có chút điều nghi ngờ, muốn hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nguyện xin Đức Từ Bi hãy rủ lòng thương mà nghe hứa cho"

Bấy giờ Đức Thế Tôn cảm thương cho Trưởng Giả nên dùng ngôn âm hiền từ nhẹ nhàng mà bảo rằng: "Này Trưởng Giả! Ý ông đã muốn hỏi. Ta sẽ vì ông, dùng phương tiện phân biệt để cho Tâm ông được vui"

Khi ấy Trưởng Giả hớn hở vui mừng, cúi đầu làm lễ rồi chắp tay thỉnh rằng: "Thế Tôn! Làm thế nào khiến cho kẻ trai lành, người nữ thiện, các người nghèo hèn có thể được phú quý? Các kẻ có bệnh được khỏi bệnh? Các kẻ có tội được diệt tội? Các kẻ bị nguy hiểm sợ hãi được an vui?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã hay biết rồi nên hỏi rằng: "Này Trưởng Giả! Vì duyên cớ nào mà ông hỏi như vậy?"

Thời Trưởng Giả lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyến thuộc, tiền bạc lại ít ỏi nên khó có thể chi dùng đầy đủ. Lại có nhiều bệnh tật, tội lỗi, đầy dẫy sự nguy hiểm lo sợ. Vì thế con thỉnh Đức Thế Tôn hãy mở phương tiện khiến cho kẻ nghèo hèn được tài vị lớn để cung cấp cho quyến thuộc rộng tu nhân ái bố thí, nhiêu ích cho tất cả. Thương khố không cùng tận khiến cho kẻ có bệnh được khang hòa bốn Đại, siêng tu nghiệp lành mà thân tâm không mệt mỏi. Khiến cho kẻ có tội mau trừ diệt được tội. Sau khi thân nát mệnh hết được sinh vào nẻo lành. Khiến cho kẻ bị hiểm nguy lo sợ được an vui thân tâm , gần gũi cúng dường ba Báu Phật Pháp Tăng, mau chóng chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề"

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Giả rằng: "Này Thiện Nam Tử! Vào vô số kiếp ở quá khứ, Ta gặp Đức Thế Tôn tên là **Trì Kim Cương Hải Âm** (Vajradhāra-sāgara-nirghoṣa) Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Minh Hạnh viên mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Bạc Già Phạm. Ngài vì muốn lợi cho các Hữu Tình mà nói Đà La Ni tên là **Trì Thế.**

Lúc Ta nghe xong liền vui mừng hớn hở thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác nói nhằm đem sự lợi ích an vui cho vô lượng Hữu Tình. Do Nhân duyên đó mà tăng trưởng Phước Tuệ, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề, vì các Trời Người nói Pháp vi diệu.

Nay Ta vì ông nói Đà La Ni này. Các hàng Trời Người… các ông đều nên lắng nghe! Nghe xong hãy thọ trì, rộng vì người khác nói, sức của Thần Chú này chẳng thể luận bàn khiến cho các Hữu Tình đều được lợi lạc.Đà La Ni là :

Đát điệt tha: Tô lỗ bế, bạt đạt la phiệt đề, măng yết lệ, át chiết lệ, át triệp bát lệ, yết già triết ni, yết tỷ đạt ni, tát tả phạt đề, đà ná phạt đề, đạt na phạt đề, thất lợi mạt đề, bát lạp bà phạt đề, âm mạt lệ, tỳ mạt lệ, lỗ lô, tô lũ ba tỳ mạt lệ, át nại nại tất đế, tỳ trớ tất đế, tỳ thấp phộc hệ, thủy anh củ lệ, mang củ lệ, tỳ tỳ mê, đỗ đỗ mê, trớ trớ mê, trớ lạc trớ lạc, phạt chiết lệ phạt chiết lệ, yết giảo yết giảo, phạt lật sát ni, nật sáp bả đạt ni

Phạt chiết lạc đạt lạc, sa yết lạc, ngật cụ sam

Trớ tha yết đam át nô táp mạt lạc

Táp mạt lạc đạt ma tát điểm táp mạt lạp

Tăng già tát điểm táp mạt lạc

Trớ tra trớ tra, phổ lạc phổ lạc, phổ thứ gia, bạt lạc bạt lạc ni tô măng yết lệ, phiến đa mạt đề măng yết la phạt đề, tô bạt đạt lạc phạt đề, a yết xa yết xa

Tam mạt diêm a nô táp mạt lạc, sa ha.

A phạt chế nẫm, át nô táp mạt lạc, sa ha

Bát thứ bà, phàm át nô táp mạt lạc, sa ha

Điệt lật châm át nô táp mạt lạc, sa ha

Tỳ chiết diêm át nô táp mạt lạc, sa ha

Tát phộc tát đóa tỳ nại diêm át nô táp mạt lạc, sa ha

Đà La Ni này có đủ Thần Lực. Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện chí Tâm thọ trì, rộng vì người nói thì các Quỷ Thần, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Người, Phi Nhận thuộc nhóm ác chẳng có thể hại và ngày đêm tăng trưởng các việc lợi lạc.

Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, tụng Đà La Ni như vậy trải qua 7 ngày đếm không có tạm thiếu thì các Trời, Rồng, Thần đều sinh vui vẻ, tụ họp đi đến âm thầm giúp đỡ cho tiền của, lúa gạo cần có. Sự đói kém mất mùa, dịch lệ thảy đều tiêu trừ, có bao nhiêu tội chướng không có gì không diệt hết. Tất cả sự nguy hiểm sợ hãi đều được an ninh, Phước Tuệ tăng dần, sự cầu nguyện được như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề".

Bấy giờ Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng Lão rằng: "Ông nên tin nhận Đà La Ni này. Hãy ghi nhớ thọ trì, rộng vì người khác nói thì sự cầu nguyện lợi lạc sẽ không có gì không vừa ý "

Thời Trưởng Giả ấy nghe Đức Phật nói, liền vui vẻ hớn hở rồi bạch Phật rằng: "Con hay thọ trì, rộng vì người khác nói nhằm đem lại sự lợi ích an vui cho vô lượng Hữu Tình. Nguyện xin Đức Thế Tôn Từ Bi hộ niệm cho "

Đức Thế Tôn bảo: "Như thị! Như thị!"

Thời Trưởng Giả ấy chắp tay cung kính, nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng xong đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi vui vẻ lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo **A Nan** (Ānanda: Khánh Hỷ) rằng: "Mọi thứ tiền của, lúa gạo ở trong các kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả ngày nay thảy đều đầy chặt "

Tôn Giả A Nan vui vẻ bạch Phật rằng: "Do nhân duyên gì mà đột nhiên trong các kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả được đầy chặt?"

Đức Phật bảo: "Này A Nan ! Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe Ta nói về Đại Đà La Ni đã khởi niềm tin thâm sâu, vui vẻ thọ trì đọc tụng, nguyện vì vô lượng Hữu Tình mà diễn nói. Do Phước Lực này mà kho tàng được đầy chặt. Các ông cũng nên thọ trì đọc

tụng, rộng vì người khác nói Đà La Ni này khiến cho tất cả loài Hữu Tình trong 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này đều được lợi lạc.

Ta xem thấy hàng Thiên Ma, Phạm … trong Thế Gian không có thể gây hủy nát và vượt qua Đà La Ni này được. Các kẻ Phước mỏng chẳng thể được nghe. Tại sao thế? Vì chương cú này là nơi Chư Phật ba đời cùng xưng dương, dùng Thần Lực chẳng thể luận bàn để gia bị cho người Văn Trì đều được lợi lạc "

Thâm Tâm của Tôn Giả A Nan rất hoan hỷ. Ngài dùng Diệu Già Đà mà tán tụng rằng:

Chư Phật khó luận bàn
Pháp đã nói cũng vậy
Người hay chính phụng hành
Quả Báo cũng như thế
NHẤT THIẾT TRÍ PHÁP VƯƠNG
Diệt : sinh, già, bệnh, chết
Đã đến Thắng Bỉ Ngạn
Cúi lạy Đại Giác Tôn

Khi ấy A Nan hớn hở vui mừng lễ Phật rồi chắp tay bạch rằng: “Thế Tôn! Ngày nay Pháp Môn này có tên gọi như thế nào? Chúng con nên phụng trì như thế nào?”

Đức Phật bảo: “Này A Nan! Pháp này có tên gọi là **Diệu Nguyệt Trưởng Giả Sở Vấn**, cũng có tên là **Năng Cảm Nhất Thiết Tài Vị**, cũng gọi là **Dũ Tật** (khỏi các bệnh) **Diệt Tội, Năng Diệt Nhất Thiết Hiểm Cụ** (hay diệt tất cả sự nguy hiểm sợ hãi) **Chư Phật Đồng Sở Xưng Dương, Chư Phật Thần Lực Gia Bị, Trì Thế Đà La Ni Kinh**. Ông nên phụng hành, đừng để quên mất nhằm đem lại lợi lạc cho tất cả Hữu Tình”

Lúc Đức Bạc Già Phạm nói Đà La Ni này xong thì vô lượng Thanh Văn với các Bồ Tát và hàng Trời, Người, A Tố Lạc… tất cả Đại Chúng nghe điều Phật nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

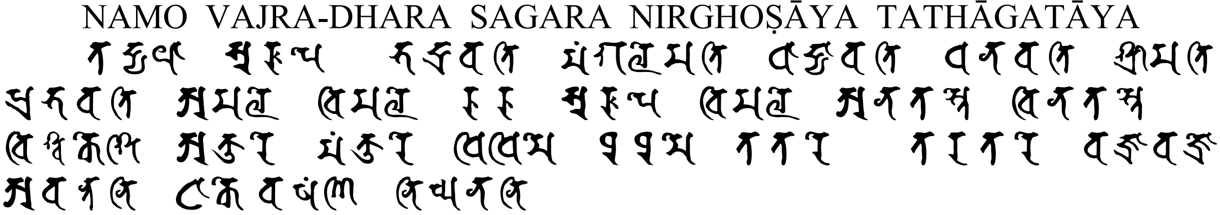
KINH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI (Hết)

TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

Dịch âm: HUYỀN THANH



NAMO VAJRA-DHARA SAGARA NIRGHOṢĀYA TATHĀGATĀYA



TADYATHĀ: SURŪPE _ BHADRA-VATI _ MAṂGALE-MATI _ DHĀDYĀVATI_ DHANA-VATI _ ŚRĪ-MATI _ PRABHA-VATI _ AMALE_ VIMALE_ RURU _ SURŪPE _ VIMALE _ ANATASTE _ VINATASTE _ VIŚVA KEŚI _ AKULE_ MAṂKULE _ DHIDHI ME _ DHUDHU ME _ TATARE _ TATATARE _ VAJRA VAJRE _ AVANTANI _ ṬAKE VARṢAṆI _ NIṢPANANI _

BHAGAVAṂ VAJRA-DHARA SĀGARA-NIRGHOṢĀṂ TATHĀGATAM ANUSMARA

SARVA TATHĀGATA-SATYAM ANUSMARA

DHARMA-SATYAM ANUSMARA

SAṂGHA-SATYAM ANUSMARA

TAṬA TAṬA _ PURA PURA _ PURAYA PURAYA _ BHARA BHARA BHARAṆI _SUMAṂGARE _ ŚĀTA-MATI_ MAṂGALA-MATI_ SUBHADRA-VATI _ AGACCHA AGACCHA _SAMAYAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

A DHĀRAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

PRABHAVAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

DHṚTIM ANUSMARA _ SVĀHĀ

OṂ_ SUVASUDHARE _ SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 05/03/2010

Mật Tạng Bộ 3 _ No. 1163 (Tr.667 _ Tr. 669)

PHẬT NÓI KINH VŨ BẢO ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đời Đường Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại rừng Kiến Tra Ca thuộc nước Kiều Thướng Di cùng với chúng Đại Bật Sô gồm có 500 người và rất nhiều các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến hội họp.

Bấy giờ trong nước Kiều Thướng Di có vị Trưởng Giả tên là Diệu Nguyệt vốn là người có các căn tịch tĩnh, tâm ý lặng trong, dẫn theo nhiều nam nữ và tôi tớ đã thành tựu tĩnh tín (niềm tin trong sạch) đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật trăm ngàn vòng rồi lui về trụ ở một bên, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con có chút nghi ngờ, muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nguyện xin Đấng Từ Bi rũ lòng thương lắng nghe và hứa cho"

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Giả rằng: "Ý ông đã muốn hỏi. Ta sẽ vì ông mà nói để cho Tâm ông được vui"

Trưởng Giả nghe xong liền vui mừng hớn hở. "Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào mà người trai lành, kẻ nữ thiện, các người nghèo túng có thể được giàu có? Các kẻ bệnh tật khiến cho không còn có bệnh tật?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "Do nhân duyên nào mà ông hỏi như vậy?"

Thời Trưởng Giả bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyến thuộc, tiền bạc ít ỏi nên khó có thể chi dụng đủ, lại có nhiều bệnh tật. Nguyện xin Đức Thế Tôn mở bày Pháp yếu khiến cho kẻ nghèo túng xa lìa hẳn sự nghèo cùng, kho lương tiền của đều được dư đầy nhằm chu cấp cho vợ con nam nữ, quyến thuộc trong nhà và có người đến cầu xin thì đều vui vẻ làm vị Đại Thí Chủ khiến cho kho lương, vàng bạc, châu báu, Xích Châu, Mã Não, vàng báu được phong nhiêu không bao giờ hết để cấp dưỡng cho thân thuộc, rộng tu Huệ Thí làm lợi ích cho Hữu Tình"

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "Này Thiện Nam Tử! Vào a tăng kỳ kiếp trong thời quá khứ, Ta đã gặp Đức Phật Thế Tôn tên là **Trì Kim Cương Hải Âm** Như Lai Ứng Chính Biến Tri. Từ Đức Như Lai ấy, Ta nhận được **Vũ Bảo Đà La Ni** này, rồi thọ trì đọc tụng, suy tư, tùy vui và vì kẻ khác rộng nói lưu bố. Do lực uy đức của Đà La Ni này mà các hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Cưu Bàn Nỗ** (Kumbhāṇḍa), **Ô Sa Đa La Ca** (Ostakara), **Bố Đan Na** (Pūtana), **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭapūtana).... Loài khởi Tâm ác chẳng có thể làm hại được. Lại có loài quỷ cướp đoạt mỡ tủy, thân thể, máu, nước mũi, thứ khạc nhổ, nước tiểu, phân của loài người và loài muốn đến gây não hại đều chẳng thể gây chướng ngại"

Đức Phật bảo: "Này Diệu Nguyệt! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện khởi tâm ghi nhớ dùng tay giữ gìn viết chép cho đến chỉ nghe tên mà thọ trì, tùy vui, rộng vì người khác diễn bày thì kẻ trai lành, người nữ thiện ấy sẽ được an ổn suốt ngày đêm, nhận được sự vui thích vừa ý là: sự giàu có, an vui, hạt giống tiền của vị Du Già.

Nếu có người thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này thì nên cúng dường tất cả Như Lai một ngày, hai ngày, hoặc ba ngày chuyên Tâm tụng trì, yêu kính, tin tưởng Tam Bảo ắt chư Thiên đều vui vẻ vì vị Pháp Sư đọc tụng ấy liền tuôn mưa tài bảo, lúa gạo, lúa mì"

Liền nói Đà La Ni là:

1) Nẵng mô bà nga phộc đế
2) Phộc nhật-la đà la
3) Sa nga la, niết cụ sái gia
4) Đát tha nghiệt đa dã
5) Đát nễ dã tha: Án, tố lỗ bế
6) Bạt nại-la phộc để
7) Măng nga lệ, a tả lệ
8) A tả phá lệ
9) Ôn già đá nễ
10) Ôn bệ ná nễ
11) Tát tả phộc để
12) Đà nương phộc để
13) Đà nẵng phộc để
14) Thất-lị ma đế
15) Bát-la bà, phộc để
16) A ma lệ
17) Vĩ ma lệ
18) Lỗ lỗ
19) Tố lỗ bế
20) Vĩ ma lê
21) A ná đa tất đế
22) Vĩ ná đa tất đế
23) Vĩ thấp phộc kế như
24) Tả củ lệ
25) Măng củ lệ
26) Địa địa minh
27) Độ độ minh
28) Đá đá lệ
29) Đa la, đa la
30) Phộc nhật-lê
31) A vạt đá nễ
32) Bộ kế, ốc kế
33) Tra kế, tra kế
34) Vạt la-sái ni
35) Nễ sáp bá na nễ
36) Bà nga vãn
37) Phộc nhật-la đà la
38) Sa nga la
39) Niết cụ sam
40) Đát tha nghiệt đá, ma nỗ sa-ma la
41) Sa-ma la, sa-ma la
42) Tát phộc đát tha nghiệt đá
43) Tát nễ dã
44) Ma nỗ sa-ma la

45) Tăng già tát để-dã, ma nỗ sa-ma la
46) Đát tra, đát tra
47) Bố la, bố la
48) Bố la dã, bố la dã
49) Bà la, bà la, bà la nê
50) Tố măng nga lệ
51) Phiến đá, ma để
52) Mộng nga la, ma để
53) Bát-la bà, ma để, ma ha để
54) Tố bà nại-la, phộc để
55) A nghiệt tha, a nghiệt tha
56) Tam ma dã, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ
57) A đà la, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ
58) Bát-la bà phộc, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ
59) Đà-ly để, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ
60) Vĩ nhạ dã, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ
61) Tát phộc tát đát-phộc, vĩ nhạ dã, ma nỗ sa-ma la, sa-phộc hạ

Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả: "Đây gọi là Vũ Bảo Đà La Ni. Do uy lực của Đà La Ni này mà bệnh hoạn, đói kém mất mùa, tật dịch, tội chướng... cả thảy đều tiêu diệt.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện trước tiên nên cúng dường tất cả Như Lai, trong một ngày một đêm tụng trì không có gián đoạn thì ngôi gia ấy liền tuôn mưa báu như lượng một người lớn, tất cả tai họa thảy đều tiêu diệt. Chính vì thế cho nên Thiện Nam Tử nên thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này, rộng vì người khác phân biệt diễn nói"

_ "Lành thay! Thế Tôn!"

Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe lời Phật nói liền vui mừng hớn hở. "Nay con theo Đức Phật nhận Vũ Bảo Đà La Ni này sẽ thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác phân biệt giải nói"

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhận lời dạy của Đức Phật xong liền nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi vui vẻ lui ra.

Khi ấy Đức Phật bảo Cụ Thọ A Nan Đà rằng: "Ông đi qua nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn xem mọi loại tiền tài, lúa gạo, các vật trân bảo và các vật dụng ở trong kho tàng của vị Trưởng Giả ấy ngày nay đã dư đầy chưa?"

Lúc đó Cụ Thọ A Nan Đà nhận lời Phật dạy xong, đi đến Thành Kiều Thướng Di, vào nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn thấy tài bảo trong các kho tàng đều dư đầy. Ngài A Nan trông thấy sự việc này thì tâm rất vui mừng hớn hở đi về

Khi ấy Cụ Thọ A Nan Đà khởi Tâm khác lạ chưa từng có. Ngài vui vẻ bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả lại dư đầy như thế?"

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Diệu Nguyệt Trưởng Giả có niềm tin trong sạch nơi Ta, đã thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này lại vì tất cả Hữu Tình diễn nói. Vì thế nên A Nan Đà! Hãy thọ trì Đà La Ni này và rộng vì người khác nói. Ta dùng Phật Nhãn xem xét các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn trong Thế Gian đối với kẻ thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni chẳng dám gây chướng nạn. Vì sao thế Vì Như Lai không có nói lời khác (Dị ngữ) Chân Ngôn Cú này chẳng có thể bị hủy nát được. Đà La Ni

này, kẻ Hữu Tình không có căn lành thì có tai cũng chẳng được nghe huống chi là viết chép, đọc tụng. Tại sao vậy? Vì đây là nơi mà tất cả Như Lai tùy hỷ. Là nơi mà tất cả Như Lai khen ngợi. Là nơi mà tất cả Như Lai hiển dương. Là nơi mà tất cả Như Lai gieo trồng hạt giống”

A Nan bạch Phật rằng:“Lành thay! Thế Tôn!”. Rồi dùng Diệu Già Tha (Gāthā:bài kệ) mà nói Tụng là :

Chư Phật khó luận bàn
Phật Pháp cũng như vậy
Tính Tịnh không suy nghĩ
Quả báo cũng như vậy
Tịch Tuệ Nhất Thiết Trí
Pháp Vương ***chẳng diệt sinh***
Đã đến Thắng Bỉ Ngạn
Cúi lạy Phật Dũng Mãnh

Bấy giờ Cụ Thọ A Nan Đà đã nghe Đức Phật nói về Kinh Vũ Bảo Đà La Ni này liền hớn hở vui mừng bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Pháp yếu này có tên gọi như thế nào? Kinh này, ngày nay chúng con thọ trì như thế nào?”

Đức Phật bảo: “Này A Nan Đà! Kinh này có tên là **Diệu Nguyệt Trưởng Giả Sở Vấn** Ông nên thọ trì, cũng có tên là **Năng Hộ Nhất Thiết Tài Bảo Phục Tàng**, cũng có tên là **Nhất Thiết Như Lai Xưng Tán Vũ Bảo Đà La Ni Giáo…** Ông nên thọ trì”

Thời Đức Bạc Già Phạm nói Kinh này xong thì vô lượng Bật Sô và các Bồ Tát với chư Thiên, Người, A Tô La... tất cả Đại Chúng nghe điều Phật nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

_ Tâm Chân Ngôn là:
“Án, phộc tố đà lệ, sa-phộc hạ”

*) OṂ_ VASUDHARE_ SVĀHĀ

_ Tâm Trung Tâm Chân Ngôn là:
“Án, thất-lị phộc tố, sa-phộc hạ”

*) OṂ_ ŚRĪ VASU_ SVĀHĀ

_ Tiểu Tâm Chân Ngôn là:
“Án, phộc tố, sa-phộc hạ”

*) OṂ_ VASU_ SVĀHĀ

PHẬT NÓI KINH VŨ BẢO ĐÀ LA NI (Hết)

VŨ BẢO ĐÀ LA NI

Dịch âm: HUYỀN THANH



NAMO BHAGAVATE VAJRA-DHARA SĀGARA-NIRGHOṢĀYA TATHĀGATĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ SURUPE_ BHANDRA-VATI_ MOṂGALE ACALE_ ACAPALE_ UGHĀTANI_ UBHEDANI_ SASYA VATI_ DHAJÑA-VATI_ DHANA-VATI_ ŚRĪ-MATI_ PRABHA-VATI_ AMALE_ VIMALE_ RURU_ SURUBHE_ VIMALE_ ADATASTE_VIDATASTE_VIŚVA KEŚI _ AṄKULE_ MOṂKULE _ DHIDHI ME _ DHUDHU ME _ TATALE _ TARA TARA _ VAJRE _ AVARTTANI _ BHUKKE OKKE _ TAKE TAKE _ VARṢAṆI _ NIṢPODANI

BHAGAVAṂ VAJRA-DHARA SĀGARA-NIRGHOṢAṂ TATHĀGATAM ANUSMARA

SMARA SMARA

SARVA TATHĀGATA-SATYAM ANUSMARA

DHARMA-SATYAM ANUSMARA

SAṂGHA-SATYAM ANUSMARA

TAṬA TAṬA _ PURA PURA _ PURAYA PURAYA _ BHARA BHARA BHARANI _ SUMOṂGALE _ ŚĀNTA-MATI _ MOṂGALA-MATI _ PRABHĀ-MATI_ MAHĀ-MATI _ SUBHANDRA-VATI _ ĀGACCHA ĀGACCHA SAMAYAM ANUSMARA_ SVĀHĀ

Ā DHĀRAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

PRABHĀVAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

DṚḌHAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

VIJAYAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

SARVA-SATVA VIJAYAM ANUSMARA _ SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 06/03/2010

Mật Tạng Bộ 3 - No 1164 (Tr. 669 → Tr. 672)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây thiên Trung Ấn Độ, nước Ma Kiệt Đà, chùa NA LAN ĐÀ Truyền Giáo Đại Sư Tam Tạng , Sa Môn được ban áo tía là PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe có. Một thời Đức Phật ngụ trong rừng Đại Cức thuộc nước Kiều Thướng Di cùng với chúng Đại Tỳ Kheo gồm có 450 người đều là chúng Sở Tri Thức, Đại A La Hán và các Bồ Tát Ma Ha Tát, các chúng của Phật Pháp đều đến dự hội, cung kính vây quanh nghe Đức Phật nói Pháp.

Bấy giờ trong Hội có một vị Trưởng Giả tên là **Diệu Nguyệt** (Sucandra) trú ngụ nơi Đại thành Kiều Thướng Di. Vị Trưởng Giả như vậy có Trí Tuệ lớn, phương tiện khéo léo; đông đầy quyến thuộc nam nữ, nô tỳ, tôi tớ đều có đủ căn lành, phát Tâm đại thiện.

Lúc đó, Diệu Nguyệt Trưởng Giả đến quan sát Đức Thế Tôn và chỗ Phật ngự xong liền cung kính chắp tay, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi nhiễu quanh kinh hành trăm ngàn vòng và lui về một bên, an lành ngồi xuống. Xong rồi, Diệu Nguyệt Trưởng Giả bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Ngày hôm nay con muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nay trong Tâm con có chút việc nghi, nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Từ bi vô lượng, vì con mà nói Pháp để khai mở chỗ kết nghi của con"

Khi ấy, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "Nay Ta muốn biết Tâm ông nghi ngờ điều gi mà cần phải hỏi. Nếu Tâm ông đã nghi thì chẳng nên ôm chứa trong lòng làm chi."

Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe Đức Phật nói xong, lại bạch Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Như kẻ trai lành, người nữ thiện chịu sự nghèo túng thì làm thế nào để chẳng còn nghèo túng nữa? Người bị nhiều bệnh tật phải làm sao để chẳng còn bệnh tật nào?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn là Bậc có đủ Nhất Thiết Trí bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "Nay có phải ông vì sự nghèo túng nên ôm ấp sự nghi hoặc mà hỏi điều đó chăng?"

Diệu Nguyệt Trưởng Giả bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Bạch Đức Thế Tôn! Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Xin Đấng Thiện Thệ hãy vì quyến thuộc, nam nữ, nô tỳ, tôi tớ ở đông đầy trong nhà và vì con mà nói! Xin Đức Thế Tôn hãy dựa vào câu hỏi của con mà nói Pháp. Chúng sinh bị nghèo túng phải dùng phương tiện gì khiến cho xa lìa được sự nghèo khổ? Chúng sinh bị nhiều bệnh phải dùng phương tiện gì khiến cho không còn bệnh não? Phải làm thế nào để cho kho lương được tràn đầy vật dụng, tài bảo, lúa gạo … phục vụ cho cuộc sống? Phải làm thế nào để được nhìn thấy điều yêu thích là: vàng, bạc, ma ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, xà cừ, kim cương, vật báu … kho tàng tràn đầy? Khiến con đem bố thí vẫn không bao giờ hết? Làm thế nào để cho quyến thuộc nam nữ lớn nhỏ trong nhà đều được tôn quý, tự tại?"

Diệu Nguyệt Trưởng giả tác bạch như vậy với Đức Thế Tôn xong. Ngay lúc đó, Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: "Vào vô số kiếp xa xưa ở dời quá khứ, trong đời ấy có Đức Phật ra đời tên là TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta ở chỗ Đức Thế Tôn ấy nghe được Đà la ni tên là: CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ. Nghe Pháp đó xong, ta thường thọ trì đọc tụng, chí thành cúng dường và vì người khác diễn nói Đà la ni đó.

Này Thiện Nam Tử! Nay Ta vì ông nói Đà la ni này nhằm ủng hộ ông khiến cho hàng người chẳng thể làm hại được, hàng Phi Nhân cũng chẳng thể làm hại được, hàng Dược Xoa chẳng có thể làm hại được, hàng La Sát chẳng có thể làm hại được, hàng Tất Lệ Đa chẳng có thể làm hại được, hàng Tỳ Xá Già chẳng có thể làm hại được, hàng Ô Sa Đa La Ca chẳng có thể làm hại được, hàng Bố Đan Na chẳng có thể làm hại được, hàng Yết Tra Bố Đan Nẵng chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ đại tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ tiểu tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn mọi thứ vật Tịnh, vật Bất Tịnh cũng chẳng có thể làm hại được.

Diệu Nguyệt Trưởng Giả! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được Đà La Ni này rồi đem đặt ở trong nhà cửa của mình hoặc cầm trong tay, cung kính cúng dường. Hoặc dùng Tâm suy nghĩ về Kinh Pháp đó. Hoặc được lắng nghe Kinh Pháp đó mà liền thọ trì, đọc tụng, cúng dường hoặc rộng vì người khác giải nói nghĩa thú thì kẻ trai lành, người nữ thiện này ngày đêm thường được vệ hộ an ổn vui thích vừa ý, ăn uống dư dật, được phước đức lớn.

Nếu hay cúng dường **Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** này tức là cúng dường tất cả Bậc Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác trong ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nếu hay y theo Pháp thường ở trong thời khóa ban đêm niệm trì Đà La Ni này bốn biến thì người này liền được Chư Thiên đi đến vệ hộ cho vui vẻ ái lạc. Lại vì người này mà thân cận, tự đi đến giáng mưa thức ăn uống ngon ngọt thượng diệu.

Các hàng Thiên chúng đối với các Như Lai đều mang tâm vui vẻ, đối với các Phật Pháp đều mang tâm vui vẻ, đối với Trí Vô Tướng của Phật đều mang tâm vui vẻ, đối với HÒA HỢP CHÚNG (chư Tăng) đều mang tâm vui vẻ, đối với vị Thầy nói Pháp (Thuyết Pháp Sư) đều mang Tâm vui vẻ".

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "Nay Ta vì ông với tất cả chúng sinh đời vị lai khiến cho được sự an vui lợi ích lớn"

Liền nói Cát Tường Trì Thế Đà La Ni là:

1)**Nẵng mô** (NAMO)
2)**La Đát nẵng đát la dạ dã** (RATNA-TRAYĀYA)
3)**Nẵng mô** (NAMO)
4)**Bà nga phộc đế** (BHAGAVATE)
5)**Phộc nhật la đà la** (VAJRA-DHĀRA)
6)**Sa nga la** (SĀGARA)
7)**Ninh lật khô sái dã** (NIRGHOṢĀYA)
8)**Đát tha nga đá dã** (TATHĀGATĀYA)
9)**Lật hạ đế** (ARHATE)
10)**Tam miệu ngật tam một đà dã** (SAMYAKSAṂBUDDHĀYA)
11)**Đát nễ dã tha** (TADYATHĀ)
12)**Tố lỗ bế** (SURŪPE)
13)**Tố phộc ná minh** (SUVADANE)
14)**Bà nại lê** (BHADRE)
15)**Tố bà nại lê** (SUBHADRE)
16)**Bà nại la phộc để** (BHADRA-VATI)
17)**Tán nại la phộc để** (CANDRA-VATI)
18)**Măng nga lệ, măng nga lệ** (MAṄGALE MAṄGALE)
19)**Tố măng nga lệ** (SUMAṄGALE)

20)**Măng nga la phộc để** (MAṄGALA-VATI)
21)**A lệ** (ALE)
22)**A tả lệ** (ACALE)
23)**A tả bá lệ** (ACAPALE)
24)**Ôn nậu già đá ninh** (UDGHĀTANI)
25)**Ôn nễ dữu đát ninh** (UDYOTANI)
26)**Ôn nậu tỵ ná ninh** (UDBHEDANI)
27)**Ổ thế na ninh** (UCCHEDANI)
28)**Tát đả phộc để** (ŚASYA-VATI)
29)**Đà nẵng phộc để** (DHANA-VATI)
30)**Đà ninh dã phộc để** (DHĀNYA-VATI)
31)**Thất ly mạt để** (ŚRĪ-MATI)
32)**Bát la bà mạt để** (PRABHĀ-MATI)
33)**A ma lệ** (AMALE)
34)**Vĩ ma lệ** (VIMALE)
35)**Minh lật ma lệ** (NIRMALE)
36)**Lỗ lỗ** (RURU)
37)**Lỗ lỗ** (RURU)
38)**Lỗ lỗ phộc để** (RURU-VATI)
39)**Tố lỗ bế** (SURŪPE)
40)**Tạt phả lệ** (CAPALE)
41)**Măng nga lệ** (MAṄGALE)
42)**A lật bán nẵng tất đế** (ARPANASTE)
43)**Vĩ đát nẵng tất đế** (VITANASTE)
44)**Yết vĩ nẵng tất đế** (AVINASTE)
45)**Yết đát nẵng tất đế** (ATANASTHE)
46)**Yết vĩ đát nẵng tất đế** (AVITANASTE)
47)**Yết đà nẵng tất đế** (ADHANASTE)
48)**Tức đa la nẵng tất đế** (CITRANASTE)
49)**Vĩ thấp phộc kế thủy ninh** (VIŚVA-KEŚINĪ)
50)**Vĩ thấp phộc lỗ cẩm** (VIŚVA-RŪPE)
51)**Vĩ truật nẵng thủy** (VIŚVANAṂŚI)
52)**Vĩ thuấn đà thí lệ** (VIŚUDDHA ŚĪLE)
53)**Vĩ canh nê ninh** (VIGŪHANĪYE)
54)**A nỗ đá lê** (ANUTTARE)
55)**Áng củ lê** (AṂKURE)
56)**Măng củ lê** (NAṂKURE)
57)**Bát la bàng củ lê** (PRABHAṂKURE)
58)**Vĩ la minh** (VIRAME)
59)**Vĩ đà minh** (VIDHAME)
60)**Độ minh** (DHUME)
61)**Độ độ minh** (DHUDHU ME)
62)**Ly ly minh** (DHIDHI ME)
63)**Khư khư lệ** (KHAKHALE)
64)**Xí xí minh** (KHIKHI ME)
65)**Khô khô minh** (KHUKHU ME)
66)**Đát đát lệ** (TATĀRE)
67)**Đa la đa la** (TĀRA TĀRA)

68)**Đát đát la, đát đát la** (TATĀRA , TATĀRA)
69)**Đá la dã, đá la dã** (TĀRAYA TĀRAYA)
70)**Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ** (VAJRE VAJRE)
71)**Phộc nhật lỗ bát minh** (VAJROPAME)
72)**Tra kế, Tra kế** (ṬAKKE ṬAKKE)
73)**Xá kế, Xá kế** (ḌHAKKE ḌHAKKE)
74)**Ổ kế** (UKKE)
75)**Vũ kế** (BUKKE)
76)**Bạc kế** (NUKKE)
77)**Nại kế** (DHUKKE)
78)**Đạt kế** (KAKKE)
79)**Đạt la kế** (VARAKKE)
80)**A phộc lật đá ninh** (ĀVARTTANI)
81)**Bát la phộc lật đá ninh** (PRAVARTTANI)
82)**Phộc lật sái nê, phộc phật sái nê** (VARṢAṆI VARṢAṆI)
83)**Ninh sắt bá nại ninh** (NIṢPĀDANI)
84)**Phộc nhật la đà la** (VAJRA-DHĀRA)
85)**Sa nga la** (SĀGARA)
86)**Ninh lật củ sái đát tha nga đá** (NIRGHOṢA TATHĀGATA)
87)**Mạt lỗ sa ma la** (MANUSMARA)
88)**Tát lật phộc đát tha nghiệt đá** (SARVA TATHĀGATA)
89)**Tát để dã ma nỗ sa ma la** (SATYA MANUSMARA)
90)**Đạt lật ma tát để dã** (DHARMA SATYA)
91)**Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)
92)**Tăng già tát để dã** (SAṂGHA SATYA)
93)**Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)
94)**Đát tra, Đát tra** (TAṬA TAṬA)
95)**Bố la dã, bố la dã** (PŪRAYA PŪRAYA)
96)**Bố la nê, bố la nê** (PŪRṆI PŪRṆI)
97)**Tát lật phộc thương** (SARVA ĀŚĀ)
98)**Tát lật phộc, tát đát phộc nan tả** (SARVA SATTVĀNĀṂCA)
99)**Bà la,bà la** (BHARA BHARA)
100)**Măng nga lệ** (MAṄGALE)
101)**Phiến đá mạt để** (ŚĀNTA-MATI)
102)**Truật bà mạt để** (ŚUBHA-MATI)
103)**Ma hạ mạt để** (MAHĀ-MATI)
104)**Măng nga la ma để** (MAṄGALE-MATI)
105)**Bát la bà phộc để** (PRABHĀ-VATI)
106)**Bà nại la phộc để** (BHADRA-VATI)
107)**Tố tán nại la ma để** (SUCANDRA-MATI)
108)**A nga tả, A nga tả** (ĀGACCHA ĀGACCHA)
109)**Tam ma dã ma nỗ tam ma la** (SAMAYAM ANUSMARA)
110)**Sa phộc hạ** (SVÀHÀ)
111)**A phộc la noa ma nỗ sa ma la** (ĀVARAṆAM ANUSMARA)
112)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
113)**A đà la ma nỗ sa ma la** (A DHĀRAM ANUSMARA)
114)**Sa phộc ha** (SVĀHĀ)
115)**Bát la bà phộc ma nỗ sa ma la** (PRABHĀVAM ANUSMARA)

116)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
117)**Sa phộc bà phộc ma nỗ sa ma la** (SVABHĀVAM ANUSMARA)
118)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
119)**Địa ly để ma nỗ sa ma la** (DṚḌHIM ANUSMARA)
120)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
121)**Đế nhạ ma nỗ sa ma la** (TEJAM ANUSMARA)
122)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ
123)**Nhập dã ma nỗ sa ma la** (JAYAM ANUSMARA)
124)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
125)**Vĩ nhạ dã ma nỗ sa ma la** (VIJAYAM ANUSMARA)
126)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
127)**Ngột ly ná dã ma nỗ sa ma la** (HṚDAYAM ANUSMARA)
128)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
129)**Tát lật phộc tát đát phộc ma nỗ sa ma la** (SARVA SATTVAM ANUSMARA)
130)**Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)

[Bản Phạn ghi nhận bài Chú này là:

namo ratnatrayāya|

om namo bhagavate vajradharasāgaranirdhoṣāya tathāgatasyārhate samyaksaṁbuddhāya tadyathā om śrī surūpe suvadane bhadre subhadre bhadravati maṁgale sumaṁgale maṁgalavati argale argalavati candre candravati ale acale acapale udghātini udbhedini ucchedini udyotini śasyavati dhanavati dhānyavati udyotavati śrīmati prabhavati amale vimale nirmale rurume surūpe surupavimale arcanaste atanaste vitanaste anunaste (?) avanatahaste viśvakeśi viśvaniśi viśvanaṁśi viśvarūpiṇi viśvanakhi viśvaśire viśuddhaśīle vigūhanīye viśuddhanīye uttare anuttare aṁkure naṁkure prabhaṁkure rarame ririme rurume khakhame khikhime khukhume dhadhame dhidhime dhudhume tatare tatare ture ture tara tara tāraya tāraya māṁ sarvasattvāṁśca vajre vajre vajragarbhe vajropame vajriṇi vajravati ukke bukke nukke dhukke kakke hakke ḍhakke ṭakke varakke āvarttini nivarttini nivarṣaṇi pravarṣaṇi vardhani pravardhani niṣpādani vajradharasāgaranirdhoṣaṁ tathāgataṁ anusmara anusmara sarvatathāgatasatyamanusmara saṁghasatyamanusmara anihāri anihāri tapa tapa kuṭa kuṭa pūra pūra pūraya pūraya bhagavati vasudhāre mama saparivārasya sarveṣāṁ sattvānāṁ ca bhara bhara bharaṇi śāntamati jayamati mahāmati sumaṁgalamati piṁgalamati subhadramati śubhamati candramati āgacchāgaccha samayam anusmara svāhā|

svabhāvāmanusmara svāhā|

dhṛtiṁ anusmara svāhā|

sarvatathāgatānāṁ vinayaṁ anusmara svāhā

hṛdayaṁ anusmara svāhā

upahṛdayaṁ anusmara svāhā

jayaṁ anusmara svāhā

vijayaṁ anusmara svāhā

sarvasatvavijayamanusmara svāhā|

Lại nói CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ CĂN BẢN MINH là:

1)Nẵng mô
2)La đát nẵng đát la dạ dã
3)ÁN
4)Phộc tố đà lê

5)Sa phộc hạ
6)ÁN
7)Thất ly phộc tố mẫu ninh
8)Sa phộc hạ
⇘ NAMO RATNA-TRAYĀYA
OṂ_ VASUDHĀRE _ SVĀHĀ
OṂ_ ŚRĪ VASU MUṆI _ SVĀHĀ

Tâm Minh là:
1)Nẵng mô
2)La đát nẵng đát la dạ dã
3)ÁN
4)Phộc tố thất ly duệ
5)Sa phộc hạ
6)ÁN
7)Thất ly
8)Phộc tố ma để
9)Thất ly duệ
10)Sa phộc hạ
11)ÁN
12)Phộc tố
13)Sa phộc hạ
14)ÁN
15)Lạc khất sô nhĩ phổ đá lạc ninh
16)Phộc tố ninh duệ
17)Sa phộc hạ
18)Nẵng mô
19)Phộc nhật la bá na duệ
20)Thất ly duệ, thất ly ca ly
21)Đà nẵng ca ly
22)Đà ninh dã ca ly
23)Sa phộc hạ
⇘ NAMO RATNA-TRAYĀYA
OṂ_ VASU-ŚRĪYE SVĀHĀ
OṂ_ ŚRĪ-VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ
OṂ_ VASU SVĀHĀ
OṂ_ LAKṢMI BHŪTALANI-VĀSINĪYE SVĀHĀ
NAMO VAJRA-PĀṆĀYE – ŚRĪYE – ŚRĪ-KARE _ DHANA-KARE – DHĀNYA-KARE SVĀHĀ
(Bản khác ghi nhận bài **Tâm Minh** như sau:
NAMO RATNA-TRAYĀYA
OṂ_ VASU-ŚRĪYE SVĀHĀ
OṂ_ ŚRĪ-VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ
OṂ_ VASU SVĀHĀ
OṂ_ LAKṢMI-PUTRA NIVĀSINĪYE SVĀHĀ
NAMO VAJRA-PĀṆĀYE ŚRĪYE, ŚRĪ-KARI, DHANA-KARI, DHĀNYA-KARI SVĀHĀ)

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: "**Cát Tường Trì Thế Đà la ni** này có uy đức lớn. Nếu các ông hay tùy thời trì tụng thì hết thảy mọi nạn về bệnh tật, đói kém, mất mùa, Thiên thọ đều chẳng có thể xâm phạm được.

Nếu lại có người ở ngay trong nhà cửa của mình, hoặc nhà người khác, hoặc tùy nơi cư ngụ mà cúng dường TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác và chí Tâm trì niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, đầy đủ mọi thứ cúng dường trong sáu tháng. Như vậy, tùy theo điều cầu nguyện với việc tăng ích đều được thành tựu.

Nếu lại có người y theo Pháp chọn lựa nơi thanh tịnh hoặc trong kho lương dùng Bạch Đàn hương xây dựng Tứ phương Man Noa La. Xong, thỉnh triệu, cúng dường Trì Kim Cương Hải Đại Âm Thanh Như Lai với tất cả Phật, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, các hàng Bồ Tát, Thánh chúng; thường ở ban đêm chí tâm niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni khiến cho không bị gián đoạn cho đến lúc thành tựu thì kẻ trai lành, người nữ thiện này liền được người có Uy Đức lớn đi đến giáng phước giúp đỡ, tùy theo điều cầu nguyện khiến cho được mãn túc tất cả tài vật, lúa gạo, vàng bạc, trân bảo; tất cả việc khủng bố nhiễu loạn đều được tiêu trừ.

Này Diệu Nguyệt Trường Giả! Nếu các ông hay tinh tiến thọ trì, niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này mà hay rộng vì người khác giải nói thì hay khiến cho ông ngày đêm được sự lợi ích an vui trên cõi đời và cõi nhân gian".

Diệu Nguyệt Trưởng Giả ca ngợi rằng: "Lành thay! Đức Thế Tôn khéo nói"

Diệu Nguyệt Trưởng Giả ở nơi Đức Thế Tôn lắng nghe được Cát Tường Trì Thế Đà La Ni đó xong thì Tâm sinh ái lạc, vui mừng hớn hở, sắc mặt tươi vui đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này. Từ nay về sau con vĩnh viễn không để cho quên mất, mà luôn ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa ấy, cúng dường cung kính và vì người khác diễn nói Pháp đó."

Lúc đó, trong nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả, trong khoảng thời gian bằng các búng tay, đột nhiên có mọi thứ vàng bạc, trân bảo, lúa gạo, tài vật tràn đầy các kho lương.

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng Giả chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn không hề chớp mắt rồi lại nhiễu quanh hàng trăm ngàn vòng, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan Đà rằng: "Ngay hôm nay ông hãy đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng Giả rồi vào trong nhìn xem có bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, vàng bạc, châu báu đã tràn đầy trong mọi kho lương, kho tàng của Trưởng giả ấy chưa?"

Khi đó, A Nan Đà nghe lời Đức Phật dạy xong, liền mau chóng đi đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nơi Đại thành Kiều Thướng Di. Đến nơi rồi, Ngài vào xem và nhìn thấy bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, hộc thạc, vàng bạc, trân bảo, thảy đều tràn đầy trong mọi loại kho lương rộng lớn.

Lúc A Nan Đà đột nhiên nhìn thấy việc như vậy thì trong lòng kinh ngạc, mỉm cười và khởi tâm ái lạc, vui vẻ hớn hở.

Thời A Nan Đà tuân phụng lời dạy của Đức Phật xong liền quay về chỗ Đức Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi bạch với Đức Phật rằng: " Diệu Nguyệt Trưởng Giả dùng nhân duyên nào mà được phước rộng lớn như vậy? Lành thay! Thế Tôn! Nguyện xin vì con mà diễn nói việc đó."

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: "Diệu Nguyệt Trưởng Giả này có Đại Trí Tuệ, vì hay phát tâm nhờ giữ vĩnh viễn không có quên mất, thọ trì, đọc tụng, cúng dường,

cungkính, suy tư diệu lý, phát Đại Từ Bi vì chúng sinh khác giải nói Pháp đó, nên hay khiến cho ông ấy được công đức thù thắng chẳng thể luận bàn. Trong vô lượng đời thường vì Chư Thiên với người ở Thế gian diễn nói Pháp đó.

A Nan Đà! Đà La Ni này thật là điều hiếm có. Tất cả Thiên Ma, Đại Phạm Thiên Vương, Sa Môn, Bà La Môn chúng, Trời, Người, A Tố La … đối với Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này thường nên phát Tâm tôn trọng cung kính chẳng nên khởi Tâm phá hoại, khinh chê.

A Nan Đà! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, các Chú chẳng có thể phá hoại được. Nếu chúng sinh không có căn lành, chúng sinh kém phước thì dù có tai cũng chẳng được tạm nghe, huống chi có thể biết Đà La Ni này được ghi ở trong Kinh đó mà Tâm ghi nhớ; miệng diễn nói thọ trì đọc tụng được. Tại sao vậy? Vì Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này là nơi diễn nói của tất cả Như Lai; là nơi gia trì của tất cả Như Lai; là nơi mà tất cả Như Lai đồng ấn khả, giải thích, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi; là Pháp Tối Thắng vi diệu rất khó giải bày. Tất cả Như Lai, mỗi một Tâm đều không có sai khác, dùng một âm thanh diễn Pháp này khiến cho các chúng sinh đều được giải rõ.

Nay Ta vì các chúng sinh chịu nhiều sự khổ vì nghèo túng, bệnh tật, cái ác khủng bố tất cả sự nhiễu loạn, việc không thể chịu nổi khiến cho người thọ nhận các điều ấy được sung túc, an ổn, khoái lạc”.

Bấy giờ, A Nan Đà nghe Đức Phật nói về Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này xong liền phát tâm ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, suy tư giải rõ, tôn trọng cúng dường. A Nan Đà từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối bên phải sát đất chắp tay hướng về ban chân của Đức Phật. Thời A Nan Đà kính lễ Đức Phật xong liền phát Tâm chí thành, nói **Nga Tha** (Gāthā) đó mà ca ngợi rằng:

Chư Phật Thế Tôn khó luận bàn
Pháp do Phật nói khó luận bàn
Phát tâm hoan hỷ khó luận bàn
Thuận hiện thọ báo khó luận bàn
Thiên Nhân Sư Trí Nhất Thiết Trí
Đến bờ bên kia lìa sinh tử
Lễ quả vô thượng thành Pháp Vương
Nay con xưng tán Pháp vô úy

Lúc đó, A Nan Đà nói lời ca ngợi đó xong liền vui vẻ hớn hở bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Kinh này có tên gọi như thế nào? Nay con phụng trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Như lời ông hỏi thì Kinh này có tên Diệu Nguyệt Trưởng Giả Sở Vấn Kinh; Đắc Nhất Thiết Trì Bảo Kho Tàng Thọ Trì Pháp Kinh. Lại có tên gọi là: Nhất Thiết Như Lai Sở Thuyết Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh. Các ông cần thọ trì như vậy”

Đức Phật nói kinh đó xong thì A Nan Đà với các Tỳ Kheo, Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Trời, Người, A Tố La, Càn Đạt Phộc … của Thế Gian đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

HẾT

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/01/2013

Mật Tạng Bộ 3 - No 1165 (Tr. 672 → Tr. 674)

KINH THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây thiên dịch kinh Tam tạng triều tán Đại phu Thi Hồng Lô Thiếu Khanh – Truyền Pháp Đại Sư THI HỘ phụng chiếu dịch.

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ, Trì Thế Bồ Tát bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng Đà la ni này thì phải thọ trì như thế nào? Nguyện xin Đức Phật diễn nói."

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người ở mỗi đầu tháng, vào ngày mồng một của kỳ Bạch Nguyệt, một mình đi vào dòng sông của biển cả và ngâm mình trong làn nước sao cho nước ngập đến vú, xong quay mặt về phương Đông, hướng về mặt trời, chắp tay mà đứng. Bắt đầu từ lúc mặt trời ló dạng, cho đến lúc mặt trời lặn, tụng trì chú này. Từ nước đi ra, xong nhịn ăn bảy ngày, ngày đêm tụng trì và đừng nói chuyện với người khác. Sau đó, liền vẽ bản hình của Trì Thế. Muốn điểm tô sắc vẻ thì dùng tâm trân trọng đem nước hương Bạch Chiên Đàn xoa lên lụa rồi để trải qua **một túc** (một đêm hay một thời hạn) biểu thị cho tâm cúng dường, khiến người Thầy, người thọ vẽ phải thọ Tế giới, tắm gội mặc quần áo mới, khởi tâm trân trọng y theo Pháp điểm tô sắc vẻ trang nghiêm. Bức tượng cao 10 khuỷu tay, ngang rộng 3 khuỷu tay, sắc vẻ màu xanh lục đậm, ngồi trên hoa sen, trang nghiêm vô lượng, sắc vẻ tươi tắn tinh khiết, ánh hào quang sáng như mặt trời, tay phải cầm trái cây, tay trái làm thế an ủy, dung mạo ôn hòa vui vẻ, ngồi ở phía trước Long cung (cung điện của Rồng) tay nâng hộp báu Trân châu, Bình báu, San hô, mã não, vàng bạc, lưu ly đủ mọi loại báu. Tĩnh tâm cúng dường, phía bên trên an bày Chư Thiên với mây báu, mưa báu, lưới báu. ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN, tay nâng hoa sen an ủy bên phải. CÁT TƯỜNG BẢO CHƯỞNG đứng hầu bên trái, hình sắc nghiêm mãn với lưu ly nghiêm thân, tay nâng hoa sen làm tướng an ủy. Tượng TRÌ THẾ được đặt ở nơi có XÁ LỢI (Xá Lợi Xứ) đem nước hương Át Già mọi thứ thức ăn nhỏ nhiệm, hoa an, Tô, dầu, đèn sáng cúng dường. Lại đem diệu hoa, Tô, dầu, hương, đèn, thức ăn uống, mọi loại cúng dường TẦN NA với DẠ CA để hi vọng không có Ma sự (việc chướng ngại, chướng nạn)

Cúng dường xong lại dùng Chiên Đàn, Trầm Thủy với các diệu hương, Tô hương, dầu, đèn, vô lương cúng dường rồi đối mặt quán tưởng trước tượng Bồ Tát, chí tâm chuyên chú, ngồi ngay thẳng trì tụng. Bắt đầu từ giờ Dần (5h-7h sáng) đi vào trong Đàn hoặc 7 ngày hoặc 14 ngày cho đến một ngày, đến lúc mặt trời mọc thì cầu nguyện tất ứng thảy đều thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người vào nửa đêm ngăm mình trong nước tụng trì chú này mãn 80 biến thì ngay trong tháng sẽ được mãn ước nguyện"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu có người vào lúc nửa đêm y theo Pháp tụng TRÌ THẾ Bồ Tát, y theo Pháp Khiết Tĩnh thì ở trong 6 tháng ắt được ước nguyện"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người cất dấu tài vật. Sau đó phát Tâm y theo pháp tụng thì ắt trì ắt có dược tài vật"

Đức phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người muốn cầu địa vị vẻ vang (vinh vị), ban ngày ngâm mình trong nước tụng trì chú này, đến nửa đêm lại dùng hạt mè mà làm **Hộ**

Ma (Homa): Lấy 1 hạt, niệm 1 biến rồi 1 lần thiêu đốt cho đến 800 biến ắt được Đại hỷ, phú quý mãn túc"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có ngươi đem hạt cải trắng hòa chung với bơ một lần niệm lấy một hạt rồi một lần thiêu đốt. Dựa theo lúc trước tác Pháp cũng làm Pháp Hộ Ma thì Nhà Vua được mừng vui, đất nước không có tai họa."

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người đem sữa, diệu hương hòa chung với bơ rồi làm Pháp Hộ Ma. Dựa theo lúc trước tác Pháp thường hay chặn đứng tất cả tai nạn của Đại Thần"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người nửa đêm chí tâm tụng trì danh hiệu Bồ Tát y theo Pháp **hộ tĩnh** thì trong 7 ngày được Đại tài hỷ thành tựu cụ túc"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người vào mồng một của kỳ Bạch Nguyệt bắt đầu tác Pháp, thọ trì Tế giới, ở chỗ chứa Xá Lợi đặt tượng Bồ Tát y theo Pháp cúng dường, ghi nhớ tụng trì danh hiệu của Bồ Tát, chí Tâm cầu nguyện thì Bồ Tát ắt hiện hình biến hóa (hóa hình) ở trước mặt an ủi, được bất thoái chuyển, khởi Bồ Tát hạnh"

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người ăn uống tinh khiết (Tố thực) thực hành Phạm Hạnh, cắt đứt việc ăn thịt uống rượu, ngày đêm hằng tụng sẽ được đại phú quý"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói nghi quỹ này gọi là CĂN BẢN CHÚ. Liền ở trong chúng hội mà nói chú là:

1)Nẵng mô la đát nẵng đát la dạ dã. ÁN
2)Phộc tô đà ly, tát phộc hạ
3)Án, lạc khất xoa nhĩ bộ đa la nễ
4)Phộc tất ninh duệ, tát phộc hạ
✎ NAMO RATNA-TRAYĀYA
OṂ_ VASUDHĀRE SVĀHĀ
OṂ_ LAKṢMI BHŪTALANI-VĀSINĪYE SVĀHĀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: "Có bao nhiêu Ấn Pháp biểu thị cho Tâm Pháp cũng gọi là **ngoại biểu** (biểu thị bên ngoài). Lúc tác Ấn này, đem, hai bàn tay chắp lại giữa rỗng. Lại đem ngón trỏ co ngay phần chính giữa, dựng ngón vô danh. Ngón út như tính toán mà tự nhau cài. Hình trạng ngón giữa lượng thẳng như cây kim. Ấn hình này cùng trí ở 8 phương ấy mỗi mỗi cách nhau. Đây là Ấn Nghi Quỹ của Trì Thế, y theo Pháp kết Ấn, tụng trì Minh Chú này thì tất cả sự cầu nguyện đều được thành tựu, lợi ích rộng rãi cho hữu tình".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

"Án-thất-ly duệ, Thất-ly ca ly, Đằng nẵng ca ly, Đa nễ dã ca ly, Tát phộc hạ"
✎ OṂ_ ŚRĪYE ŚRĪ-KARE DHANA-KĀRE DHĀNYA-KARE SVĀHĀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: "TAM MUỘI ấn này trước tiên nên chắp hai tay lại, đem ngón cái co vào trong lòng bàn tay. Đây gọi là ấn TAM MUỘI Trì Thế".

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Chú là:

"Án- Tam ma duệ Tảo di-duệ Tam ma dã ca ly, ma hạ tam ma duệ, tát-phộc hạ."

✎ OṂ_ SAMAYE SAUMYE SAMAYA-KARE MAHĀ-SAMAYE SVĀHĀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo TRÌ THẾ rằng: "Ấn Tam Muội Thân Chú này là như vậy.

Lại nữa, Trì Thế! Nên đem ngón trỏ co ở lóng thứ ba của ngón giữa, dựng ngón cái. Ấn này gọi là ẤN CĂN BẢN của Trì Thế Bồ Tát. Lúc triệu thỉnh Thánh Hiền với lúc đưa tiễn Thánh Hiền thì đều tác Ấn này"

Đức Phật bảo Trì Thế: "Nên đem ngón trỏ hướng ra bên ngoài duỗi ngang. Đây gọi là HOA ẤN."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Chú là:

"Án - phộc tô địa tát phộc hạ"

✎ OṂ VASUNI SVĀHĀ

Đức Phật bảo: "Trì Thế! Hoa Ấn, chú này hãy thọ trì như vậy."

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo: "Trì Thế! Nếu lại có người nên đem ngón giữa mà đều duỗi ngang. Đây gọi là Hương Ấn".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Chú là:

"Án- phộc tô đà ly tát phộc ha"

✎ OṂ_ VASUDHĀRE SVĀHĀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói Chú này xong liền bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người đem ngón vô danh hướng ra ngoài mà duỗi. Đây gọi là ĐỒ HƯƠNG ẤN".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Chú là:

"Án– phộc tô ma để thất ly duệ tát phộc hạ"

✎ OṂ_ VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người cần đem và ngón cái cùng vịn nhau, duỗi ba ngón còn lại như Tam Cổ Kim Cương. Đây gọi là ĐĂNG ẤN.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói Chú là:

" Án- phộc tô Đà la ni tát phộc hạ"

✎ OṂ_ VASU-DHĀRAṆĪ SVĀHĀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú xong liền bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người cần đem hai bàn tay như thế bụm nước, dùng ngón cái giao kết vượt qua phía ngoài của ngón trỏ. Đây gọi là THỰC ẤN."

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói Chú là:

"Án – đà la ni đà la ni tát phộc hạ"

✎ OṂ_ DHĀRAṆĪ DHĀRAṆĪ SVĀHĀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chú này xong, lại bảo Trì Thế rằng: "Các thứ cúng dường còn lại đồng với Ấn Căn Bản, Chú vào để gia trì. Nếu thường dùng Pháp Thí thời dùng Ấn Chú thường mà gia trì.

Nếu lại có người vẽ sắc vẻ của tượng Trì Thế Bồ Tát thì nên dùng lụa mới mịn tốt không có lỗi tì vết, y theo trửu lượng của Phật, dài khoảng hai tấc. Tượng bên trên vẽ tượng Phật, bên phải là tượng Quan Âm Thánh Tự Tại, bên trái vẽ tượng Kim Cương Thủ. Từ khoảng giữa của tượng Phật là tượng Trì Thế, với hình màu vàng ròng. Tay phải của Bồ Tát làm tướng Thí Nguyện, trang nghiêm bằng mọi thứ trân châu, lưu ly cho đến mã não đều dùng để nghiêm sức.

Ở phía dưới về bên phải vẽ người tụng trì, tay phải đỉnh lễ, tay trái cầm cái mão. Ở trong tháng Bạch nguyệt, tô vẽ Bồ Tát ở đây tụng trì 10 vạn biến và tùy sức mà cúng dường".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người muốn trồng tỉa ruộng thì người tụng trì tắm gội, mặc quần áo mới thọ trì Tế Giới. Đem tượng Bồ Tát đặt ở trong ruộng. Lại dùng hương bột, hoa man, lưu ly, thức ăn uống tế diệu trân trọng cúng dường, niệm tên Bồ Tát đến 800 biến. Lại ở trước tượng gia trì nước thơm, tụng 800 biến xong rót vào Hiền Bình đặt ở trước tượng, khiến người trồng tỉa ruộng với con bò, tay trồng thẳng hàng mà đứng. Dùng nước của Hiền Bình rưới vẩy và người tụng trì hiễu quanh đất ruộng này với người cày và con bò đi 7 vòng xong có thể hạ hạt giống".

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: "Nếu lại có người muốn gặt hái ruộng, ở 4 góc đất đặt thêm khiến cho ngang bằng, ăn uống như Pháp. Người tụng trì này tắm rửa, mặc quần áo sạch, thọ trì Tế giới. Lại đem Tôn tượng đặt ở trong ruộng. Lại dùng hoa, hương, đèn, đuốc, thức ăn uống, mọi loại cúng dường, tụng chú gia trì mãn 800 biến. Lại gia trì rồi, đem Tôn tượng Bồ Tát ở mặt Đông, dùng hương, bột, tô, dầu, hoa man, thức ăn uống, tĩnh tâm trong kho đốt mọi diệu hơng và đem mọi hoa, nước thơm Át Già, dùng lọng, phướng, Phan với các thứ cúng dường. Lại đem tượng Bồ Tát đặt ở trong kho … Lại dùng sữa bò rưới vảy bên trong kho, tụng trì chân ngôn, trừ bỏ các vật rồi mới nhập tài cốc vào thì sẽ tốt lành không có tai họa.

Lại nữa Trì Thế! Nơi kho tàng này đặt bày thức ăn với hương hoa cúng dường, thọ trì đọc tụng Đà la ni này sẽ lìa các tai nạn.

Lại nữa Trì Thế! Nếu lại có người dùng tơ lụa ngũ sắc viết chéo kinh Trì Thế Đà la ni. Lại dùng hương xông ướp, đọc tụng rồi đội lên đầu thì phước tăng vô lượng, chận trừ được tai nạn.

Đức Phật bảo Trì Thế! Nếu có người thọ trì. Trước tiên nên tĩnh tâm tụng 800 biến. Một ngày 3 thời tụng Đà la ni này thì ước nguyện sẽ ứng Bồ Tát **gia hữu** (sẽ gia trì giúp đỡ).

Lại nữa trì Thế! Nếu lại có người cầu các ước nguyện. Ở ngay mình đứng dừng, hướng về góc Đông Bắc khởi hình tượng Thánh Trì Thế Bồ Tát dùng tơ lựa ngũ sắc y theo tô vẽ cho đến lúc xong việc. Tố tĩnh an trí, rồi chí tâm cúng dường nước thơm Át Già, hương xoa, hương đốt, Chiên Đàn Trầm thủy, đủ mọi loại hương. Lại dùng 5 loại báu, 5 loại thuốc với 5 loại lúc bỏ vào bình Át Già rồi đặt tơ lụa lên trên, đừng mở cái bình này, y theo Pháp tụng trì Đà La Ni này thì tất cả ước nguyện thảy đều mãn túc, tài vật tăng trưởng, được phước vô lượng"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo: "Trì Thế! Nếu có chúng sinh muốn làm kho lương thì tùy theo lượng lớn nhỏ. Như lúc muốn lấy thì nên dùng bơ, thức ăn cúng dường Tôn tượng y theo Pháp tụng trì Đà La Ni này 120 biến mãn túc số này, sau đó mới lấy ra sẽ ngưng trừ mọi nạn"

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo trì Thế rằng: "Nếu lại có người cầm giữ tiền đi xa, cốt nhục ưu phiền thì nên dùng Bạch Toa (cỏ gấu, củ của nó là vị thuốc Hương Phụ tử, cỏ cây chà xát lấy chất lỏng), Ngưu Hoàng, Uất Kim, Long Não, Đàn Hương, Xạ Hương làm thành nước Át Già, vạch chia nơi thuyền lớn, tĩnh Tâm tụng trì Đà La Ni này thì người cầm tài vật đi xa ấy sẽ mau chóng theo lối bằng phẳng tốt lành quay về, đồng thời tiền của cũng tăng được nhiều hơn"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ Đát nễ dã tha, tức lệ tức lệ A nga tha A nga tha bả nga phộc đế”

⇘ TADYATHĀ: ŚRĪ ŚRĪ ĀGACCHA ĀGACCHA BHAGAVATE

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chú này xong lại bảo: “ Trì Thế! Đà La Ni này nếu hay thọ trì sẽ hay mãn tất cả ước nguyện của hữu tình, ví như Thủy Đại tràn khắp mặt đất. Lại như ánh sáng mặt trời hay phá các ÁM, giống như ánh sáng mặt trăng đem sự trong mát cho vạn vật.”

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói Chú là:

1)Đát nễ dã tha đà nẵng nô
2)Phộc lỗ noa
3)Thất ninh phộc
4)Ấn nại la
5)Thất ninh phộc
6)Tô đế nhạ sa
7)Ma nỗ
8)Nỗ ma hô
9)Tức đá dã đổ
10)Thiết đá đảm
11)Tát na bát la dã tham
12)Dã tha ca lăng
13)Tất điện đổ
14)Mãn đát la phả na
15)Nễ hạ

TADYATHĀ: DHANADO VARUṆA-SADAŚVA- INDRA-SADAŚVA- SUTEJASA MANO’NUGĀMINĪ CINTAYANTI SATATAṂ SANA PRAYĀTAṂ YĀTHĀKĀMAṂ SIDDHYANTU MANTRA-PADĀNI CA

❒

1)Đát nễ dã tha
2)Khư tra khư tra
3)Khế chí khế chí
4)Cụ trác cụ trác
5)Tô lỗ tô lỗ
6)Mẫu lô mẫu lô
7)Môn tả môn tả
8)Nẵng ma ly
9)Nẵng ma ly
10)Nê tứ nê tứ
11)Nại ba dã
12)Nại ba dã
13)Bát đát la
14)Để sắt xá đế
15)Tứ la nê dã
16)Tô phộc la noa
17)Bát la nại ba dã
18)Sa phộc hạ
19)Phộc tô địa
20)Sa phộc hạ

21)A nậu Đáp hán nẵng dã
22)Sa phộc hạ
23)Phộc hộ địa
24)Sa phộc hạ
25)Phộc tô đà
26)Địa đá duệ
27)Sa phộc hạ
28)Ngu kiểu
29)Sa phộc hạ
30)Tô la tị
31)Sa phộc hạ
32)Ấn nại la dã
33)Sa phộc hạ
34)Phộc lỗ noa dã
35)Sa phộc hạ
36)Phệ thất la ma noa dã
37)Sa phộc hạ
38)Ninh thế tỷ dụ
39)Vĩ ninh thế tỳ dược
30)Sa phộc hạ

TADYATHĀ: KHAṬA KHAṬA, KHIṬI KHIṬI, KHUṬU KHUṬU, TURU TURU, MURU MURU, MUṂCA MUṂCA, TARJANI TARJANI, DEHI DEHI, DĀPAYA DĀPAYA, PATRA-ADHIṢṬITA HIRAṆYA-SUVARṆA, PRADĀPAYA SVĀHĀ

VASUDI SVĀHĀ
ANNAPĀNĀYA SVĀHĀ
VAHURI SVĀHĀ
VASUNIPĀTĀYA SVĀHĀ
GAUḤ SVĀHĀ
SURABHE SVĀHĀ
INDRĀYA SVĀHĀ
VARUṆĀYA SVĀHĀ
VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ
DIGBHYO VIDIGBHYAḤ SVĀHĀ

(Bản Phạn ghi nhận câu Chú trên là:

tadyathā| suṭa suṭa khaṭa khaṭa khiṭi khiṭi khuṭu khuṭu maru maru muṁca muṁca maruñca maruñca tarppiṇi tarppiṇi tarjani tarjani dehi dehi dāpaya dāpaya uttiṣṭa uttiṣṭa hiraṇyasuvarṇaṁ pradāpaya svāhā| annapānāya svāhā| vasunipātāya svāhā| gauḥ svāhā surabhe svāhā| vasu svāhā| vasupataye svāhā| indrāya svāhā| yamāya svāhā| varuṇāya svāhā| vaiśravaṇāya svāhā| digbhyo vidigbhyaḥ svāhā|

❒ **Ổ đáp ba nại diễn đổ nhĩ, kiếm khất xoa năng ha, A vĩ la ha năng, noa mô nại diễn đổ. Án, đát tô, tứ mê ninh tứ, nại nại, ba dã, sa phộc hạ.**

UTPĀDA-YANTU ME, KAṂKṢANĀṂ AVIRAHAṂ ANUMODA-YANTU
OṂ DHĀTU EHYAHI DADA DĀPAYA SVĀHĀ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Chú này xong, bảo Trì Thế rằng: “Chú này có tên là: Trì Thế Bồ Tát Tâm Đà La Ni. Nếu có người tĩnh Tâm thọ trì Đà La Ni này, ghi nhớ

chẳng quên thì hay diệt được tội nặng, được phước vô lượng, xả ly ba ác, viên mãn phú quý. Nơi các ước nguyện không có gì không đầy đủ cho đến cứu cánh thành quả vô thượng".

Lúc ấy Trì Thế Bồ Tát với các Thánh chúng nghe điều Đức Phật nói đều vui vẻ vô lượng cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật và tin nhận phụng hành.

THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH
HẾT

Hiệu chỉnh xong vào ngày 17/05/2013

VASUDHĀRA DHĀRAṆĪ
(TRÌ THẾ ĐÀ LA NI)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

NAMO VAJRA-DHĀRA SĀGARA-NIRGHOṢĀYA TATHĀGATĀYA (Quy mệnh Kim Cương Trì Hải Âm Như Lai)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ (Cảnh giác)

SURŪPE (Diệu sắc) BHADRA-VATI (Cụ Hiền) MAṂGALA-VATI (Cụ khánh:đầy dủ sự mừng vui tốt đẹp)

ACALE (bất động) ACAPALE (không có sự thay đổi)

UDGHĀTANI (bắt đầu, quyến rũ, ám chỉ)

UDBHEDANI (hành động bẻ gãy, dẫn tới phía trước)

SASYA-VATI (Cụ ngũ cốc: đầy đủ ngũ cốc) DHĀDYA-VATI (Cụ tài: đầy đủ tiền của) DHĀNA-VATI (Cụ tài sản: đầy đủ tài sản)

ŚRĪ-MATI (Cát Tường Tuệ) PRABHA-VATI (Cụ quang: đầy đủ ánh sáng)

AMALE (Vô cấu: không dơ bẩn) VIMALE (Ly cấu: lìa sự bợn bẩn) RURU (Nội trần và ngoại trần: bụi bên trong và bụi bên ngoài) SURŪPE VIMALE (Diệu Sắc ly cấu) ANATASTHE (Không có gì không nhìn) VEDA TASTHE (Nhìn theo kiến thức thông tuệ)

VIŚVA KEŚI (Sự phát sáng xảo diệu)

ANUTTARA ANAKULE (Vô thượng an tĩnh) MAKULE (Phát triển)

DHIDHI ME (Tôi suy nghĩ hiểu biết)

DHUDHU ME (Tôi lay động rung chuyển)

TĀTURI (Chinh phục chiến thắng)

TĀRA TĀRA (Cứu độ, cứu giúp)

VAJRA VAJRĪ (Kim cương, có tính như Kim Cương)

AVARTTANI (Không chuyển) SVABHĀVAM ANUSMARA (Ghi nhớ Tự Tính)

BHUṄKE (Hưởng thụ) OKE (Nơi trú ngụ che chở) TAKE TAKE (Ôm mang chịu đựng) VARṢAṆI (Cơn mưa) NIṢPĀDANI (Tạo ra, làm thành)

BHAGAVAṂ VAJRA-DHĀRA SĀGARA-NIRGHOṢAṂ TATHĀGATĀYAM ANUSMARA (Ghi nhớ Đức Thế Tôn Kim Cương Trì Hải Âm Như Lai)

SARVA TATHĀGATA-SATYAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của tất cả Như Lai)

DHARMA-SATYAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Pháp)

SAṂGHA-SATYAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Tăng Già)

TATA TATA (Trước là, cốt nhất, thoạt tiên)

PŪRA PŪRA (Đầy đủ, đầy đủ)

PŪRAYA PŪRAYA (Hãy làm cho đầy)

PŪRṆA PŪRṆA (Làm cho đầy đủ)

SARVATHĀ SARVA SATVĀNĀṂCA (Tất cả chúng sinh ở khắp nơi)

BHARA BHARA BHARAṆI (Hỗ trợ, giúp đỡ, làm bậc trợ giúp)

SUMAṂGALA (Thiện cát khánh : khéo làm cho tốt đẹp)

ŚĀNTA-MATI (Tịch Tĩnh Tuệ)

ŚIVA-MATI (Kính Ái Tuệ)

MAṂGALA-MATI (Cát Khánh Tuệ)

PRABHĀ-MATI (Quang Tuệ)

MAHĀ-MATI (Đại Tuệ)

BHADRA-MATI (Hiền Tuệ)

ĀGACCHA ĀGACCHA (Đừng đi, đừng đi)

SAMAYAM ANUSMARA (Hãy ghi nhớ lời thề của mình) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

A DHĀRAM ANUSMARA (Ghi nhớ gìn giữ sự vô sinh bất diệt) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

PRABHĀVAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự Có thắng thượng) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

DṚḌHAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự kiên cố bền chắc) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

TEJAM ANUSMARA (Ghi nhớ Uy Đức) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

JAYAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự Tôn Thắng) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

VIJAYAM ANUSMARA (Ghi nhớ sự tối thắng) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

HṚDAYAM ANUSMARA (Ghi nhớ trong tâm) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

SARVA-SATVAM ANUSMARA (Ghi nhớ tất cả Hữu Tình) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

OṂ (Quy mệnh) SU-VASUDHĀRE (Thiện Trì Thế) SVĀHĀ (Thành tựu viên mãn)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 17/05/2013

vasudhārādhāraṇī

śrī vasudhārādhāraṇī|

om namaḥ| śrī jinaśāsanāya| saṁsāradvayadainyasya pratihantṛ dināvahe| vasudhāre sudhādhāre namastubhyaṁ kṛpāmahe||1||

evaṁ mayā śrutamekasmin samaye bhagavān kośāmbyāṁ mahānagaryāṁ kaṇṭakasaṁjñake mahāvanavare ghositārāme mahābhikṣusaṁghena sārdhaṁ pañcamātreirbhikṣuśataissaṁvarabahulaiśca tapodhanairbodhisattvairmahāsattvaiḥ sarvaśuddhadharmaguṇasamanugataiḥ parivṛtaḥ puraskṛto dharmaṁ deśayati sma|

tena punaḥ khalu samayena kauśāmbyāṁ mahānagaryāṁ sucandro nāma gṛhapatiḥ prativasati sma| upaśāntendriya upaśāntamānaso bahupoṣyo bahuputro bahuduhitṛko bahubhṛtyaparijanasampannaḥ śrāddho mahāśrāddhaḥ kalyāṇāśayaḥ [yena] bhagavāṁstenopasaṁkrāntaḥ| upasaṁkramya bhagavataḥ pādau śirasābhivandya bhagavantaṁ anekaśata- sahasrapradakṣaṇīkṛtyaikānte nyaṣīdat| ekānte niṣaṇṇaśca sucandro gṛhapatirlabdhāvasaro bhagavantametadavocat|

pṛccheyamahaṁ bhagavantaṁ tathāgataṁ arhantaṁ samyaksaṁbuddhaṁ kiñcit pradeśaṁ sacet me bhagavānavakāśaṁ kuryāt pṛṣṭapraśnavyākaraṇāya| evamukte bhagavān sucandraṁ gṛhapatimetadavocat| pṛccha tvaṁ gṛhapate yadyadevākāṁkṣasi, ahaṁ te yathāpraśnavyākaraṇāya cittamārādhayiṣye| evamukte sucandro gṛhapatiḥ sādhu bhagavanniti kṛtvā bhagavataḥ pratiśrutya bhagavantametadavocat|

kathaṁ bhagavan kulaputro vā kuladuhitā vā daridro bhūtvā adaridro bhavati vyādhitaśca bhūtvā avyādhito bhavati| atha khalu bhagavān jānanneva sucandraṁ gṛhapatimetadavocat| kimiti tvaṁ [gṛhapate daridratāyāḥ paripraśnaṁ pṛcchasi evamukte] gṛhapatirbhagavantaṁ etadavocat| daridro'haṁ bhagavan daridro'haṁ sugata bahupoṣyo bahuputro bahuduhitṛko bahubhṛtyaparijanasaṁpannaśca| taddarśayatu bhagavāṁstādṛśaṁ dharmaparyāyaṁ yena daridrāḥ sattvāḥ adaridrāḥ bhaveyuḥ vyādhitāśca sattvā avyādhitā bhaveyuḥ bahudhanadhānyakośakoṣṭāgārasampannāśca bhaveyuḥ priyā manāpāśca manojñāḥ saṁdarśanīyāśca bhaveyuḥ dānapatayo mahādānapatayaśca akṣīṇahiraṇyasuvarṇadhanadhānyaratnakośakoṣṭāgārāśca bhaveyuḥ| maṇimuktāvaiḍūryavajraśaṅkhaśilāpravālajātarūparajatasamṛddhāśca bhaveyuḥ| supratiṣṭhitasusamṛddhagṛhaputradāra kuṭumbāśca bhaveyuḥ|

evamukte bhagavān sucandragṛhapatimetadavocat| asti gṛhapate teṣvapi asaṁkhyeyeṣu kalpaṣvatīteṣu pramāṇeṣu yadāptīt tena kālena tena samayena bhagavān vajradharasāgaranirghoṣo nāma tathāgato'rhan samyaksaṁbuddho loka utpāta(di) vidyācaraṇasampanno lokavidanuttaraḥ puruṣadamyasārathiḥ śāstā devamanuṣyāṇāṁ ca buddho bhagavān| tasya tathāgatasyantikānmayā gṛhapate ayaṁ vasudhārā nāma dhāriṇī śrutā śrutvā copagṛhītā dhāritā vācitā paryavāptā pravarttitā prakīrttitā anumoditā parebhyaśca vistareṇa saṁprakāśitā ahamapyetarhi gṛhapate tāṁ dhāriṇīṁ bhāṣiṣye yathā asyā dhāriṇyāḥ prabhāvena kulaputraṁ mānuṣā na viheṭhayanti amānuṣāḥ ...yakṣāḥ ...rākṣasāḥ ...pretāḥ ...piśācā ...bhūtā ...kumbhāṇḍā ...skandā ...apasmārā ...ustā ...pūtanā ...kaṭapūtanā ...yātudhānā na viheṭhayanti| mūtrāhārā rūdhirāhārā viṣṭāhārā vasāhārā māṁsāhārā śleṣmāhārā pūāhārā siṁhāṇakāhārā khelāhārā medhāhārā madyāhārā jātāhārā jīvitāhārā balyāhārā mālyāhārā yāvaducchiṣṭāhārā na viheṭhayanti| yasya ceyaṁ gṛhapate dhāriṇī śrāddhasya kulaputrasya vā kuladuhiturvā hṛdayagatā hastagatā śrutimātragatā paryavāptā pravarttitā prakīrtitā viciṁtitā dhāritā vācitā likhitā anumoditā parebhyaśca saṁprakāśitā ca bhaviṣyati tasya kulaputrasya kuladuhiturvā dīrgharātraṁ arthāya sukhāya hitāya kṣemāya subhikṣāya yogasaṁbhārāya

bhaviṣyati| yaścaimāṁ vasudhārādhāriṇīṁ tathāgatebhyo'rhadbhayaḥ samyaksaṁbuddhebhyo mahatīṁ udārāṁ pūjāṁ kṛtvā namaskṛtvā arcayet ardharātreścaturvārān tasya devatā āttamanaskāḥ pramuditāḥ prītāḥ saumanasyajātāstvayamevāgatya dhanadhānyahiraṇyasuvarṇaratnavṛṣṭiṁ pātayiṣyanti tāḥ prītāstathāgataśāsane prītā buddhaprajñaptyā prītā saṁghaprajñaptyā prītā mama dharmabhāṇakasyāśayena ca|

namo ratnatrayāya| om namo bhagavate vajradharasāgaranirdhoṣāya tathāgatasyārhate samyaksaṁbuddhāya tadyathā om śrī surūpe suvadane bhadre subhadre bhadravati maṁgale sumaṁgale maṁgalavati argale argalavati candre candravati ale acale acapale udghātini udbhedini ucchedini udyotini śasyavati dhanavati dhānyavati udyotavati śrīmati prabhavati amale vimale nirmale rurume surūpe surupavimale arcanaste atanaste vitanaste anunaste (?) avanatahaste viśvakeśi viśvaniśi viśvanaṁśi viśvarūpiṇi viśvanakhi viśvaśire viśuddhaśīle vigūhanīye viśuddhanīye uttare anuttare aṁkure naṁkure prabhaṁkure rarame ririme rurume khakhame khikhime khukhume dhadhame dhidhime dhudhume tatare tatare ture ture tara tara tāraya tāraya māṁ sarvasattvāṁśca vajre vajre vajragarbhe vajropame vajriṇi vajravati ukke bukke nukke dhukke kakke hakke ḍhakke ṭakke varakke āvarttini nivarttini nivarṣaṇi pravarṣaṇi vardhani pravardhani niṣpādani vajradharasāgaranirdhoṣaṁ tathāgataṁ anusmara anusmara sarvatathāgatasatyamanusmara saṁghasatyamanusmara anihāri anihāri tapa tapa kuṭa kuṭa pūra pūra pūraya pūraya bhagavati vasudhāre mama saparivārasya sarveṣāṁ sattvānāṁ ca bhara bhara bharaṇi śāntamati jayamati mahāmati sumaṁgalamati piṁgalamati subhadramati śubhamati candramati āgacchāgaccha samayamanusmara svāhā| svabhāvāmanusmara svāhā| dhṛtiṁ ....| sarvatathāgatānāṁ vinayaṁ ...hṛdayaṁ ...upahṛdayaṁ ...jayaṁ ...vijayaṁ ...sarvasatvavijayamanusmara svāhā|

om śrīṁ vasumukhīṁ svāhā|
om śrīṁ vasuśrī svāhā|
om śrīṁ vasuśriye svāhā|
om vasumati svāhā|
om vasumatiśriye svāhā|
om vasve svāhā|
om vasude svāhā|
om vasaṁdhari svāhā|
om dhariṇi dhāriṇi svāhā|
om samayasaumye samayaṁkari mahāsamaye svāhā|
om śriye svāhā|
om śrīkari svāhā|
om dhanakari svāhā|
om dhānyakari svāhā|
mūlamantra|
om śriye śrīkari svāhā|
om dhanakari dhānyakari ratnavarṣaṇi svāhā|
sādhyamantra|
om vasudhāre svāhā|
hṛdayam| lakṣmyai svāhā|
om upahṛdayam|
om lakṣmī bhūtalanivāsine svāhā|
saṁ yathā daṁ
om yānapātrāvahe svāhā|

mā dūragāminī anutpannānāṁ dravyāṇāmutpādini utpannānāṁ dravyāṇāṁ vṛddhiṁkari truṭe liṭe liṭe li ita ita āgacchāgaccha bhagavati mā vilambaṁ manorathaṁ me paripūraya| daśabhyo digbhyo yathodakadhārā paripūrayanti mahīṁ yathā

tamāṁsi bhāskaro raśminā vidhyāpayati ciraṁtanāni yathā śaśī śītāṁśunā niṣpādayatyauṣadhīḥ|

indro vaivasvataścaiva varuṇo dhanado yathā| manonugāminī siddhiṁ cintayanti sadā nṛṇām||

tathemāni yathākāmamaṁ cintitaṁ satataṁ mama| prayatnaṁtu prasiddhyantu sarvamantrapadāni ca||

tadyathā| suṭa suṭa khaṭa khaṭa khiṭi khiṭi khuṭu khuṭu maru maru muṁca muṁca maruñca maruñca tarppiṇi tarppiṇi tarjani tarjani dehi dehi dāpaya dāpaya uttiṣṭa uttiṣṭa hiraṇyasuvarṇaṁ pradāpaya svāhā| annapānāya svāhā| vasunipātāya svāhā| gauḥ svāhā surabhe svāhā| vasu svāhā| vasupataye svāhā| indrāya svāhā| yamāya svāhā| varuṇāya svāhā| vaiśravaṇāya svāhā| digbhyo vidigbhyaḥ svāhā| utpādayantu me kāṁkṣāvirahaṁ anumodayantu imaṁ me mantrapadāḥ| om hraṁ hrīṁ ehyehi bhagavati dada dāpaya svāhā| etadbhagavatyā āryavasudhārāyā hṛdayaṁ mahāpāpakariṇo'pi siddhyati puruṣapramāṇān svabhogān dadāti īpsitaṁ manorathaṁ paripūrayati kāmaduhān yān kāmān kāmayati tāṁstānīpsitān paripūrayati| mūlavidyā| namo ratnatrayāya| namo devi dhanadaduhite vasudhāre dhanadhārāṁ pātaya kuru 2 dhaneśvarī dhanade ratnade he hemadhanaratnasāgaramahānidhāne nidhānakoṭiśatasahasraparivṛte ehyehi bhagavati praviśya matpuraṁ madbhavane mahādhanadhānyadhārāṁ pātaya kuru 2 om hraṁ traṭa kailāsavāsinīye svāhā| mahāvidyā| om vasudhāre mahāvṛṣṭinipātini vasu svāhā| mūlahṛdayaṁ| om vasudhāre sarvārthasādhinī sādhaya 2 uddhara 2 rakṣa 2| sarvārthanidhayantraṁ vava ṭata vava ṭaṇṭa ḍaṇḍa svāhā|

paramahṛdayaṁ| om namo bhagavatyai āryalevaḍike yathā jīvasaṁrakṣaṇi phalahaste divyarūpe dhanade varade śuddhe viśuddhe śivakari śāntikari bhayanāśini bhayadūṣaṇi sarvaduṣṭān bhañjaya 2 mohaya 2 jambhaya 2 stambhaya 2 mama śāntiṁ puṣṭiṁ vaśyaṁ rakṣāṁ ca kuru 2 svāhā| levaḍikā dhāriṇīyaṁ|

iyaṁ sā gṛhapate imāni vasudhārādhāriṇīmantrapadāni sarvatathāgatānāṁ arhatāṁ samyaksaṁbuddhānāṁ pūjāṁ kṛtvā ṣaṇmāsānnāvartayet tataḥ siddhā bhavati yasmiṁśca sthāne iyaṁ mahāvidyā vācyate sā dik pūjyamānā bhavati pauṣṭikakāryaṁ svagṛhe paragṛhe vā bhagavatastathāgatasyāryāvalokiteśvarasya ca mantradevatāyāścāgrataḥ sarvabuddhabodhisattvebhyo namaskṛtvā śubhe sthāne kośe koṣṭāgāre vā candanena caturasramaṇḍalaṁ kṛtvā trīn vārān āvartayan tato gṛhapate kulaputrasya vā kuladuhiturvā mahāpuruṣamātrayā vasudhārayā gṛhaṁ paripūrayati sarvadhanadhānyahiraṇyasuvarṇaratnaiḥ sarvopakaraṇaiśca sarvopadravāṁśca nāśayati| tena hi tvaṁ gṛhapate udgṛgṛhīṣvemāṁ vasudhāra nāma dhāriṇīṁ dhāraya vacaya deśaya udgrāhaya paryavāpnuhi pravartaya anumodaya parebhyaśca vistareṇa saṁprakāśaya tad bhaviṣyati dīrgharātraṁ arthāya hitāya subhikṣāya kṣemāya yogasambhārāya ceti|

sādhu bhagavanniti sucandro gṛhapatiḥ bhagavato'ntikādimāṁ vasudhārāṁ nāma dhāriṇīṁ śrutvā hṛṣṭaḥ tuṣṭa udagra āttamanāḥ pramuditaḥ prītisaumanasyajāto bhagavataścaraṇayornipatya kṛtakarapuṭo bhūtvā bhagavantametadavocat| udgṛhītā me bhagavan iyaṁ vasudhārā nāma dhārinī prakīrtitā dhāritā vācitā paryavāptā anumoditā manasānuparicimtitā ca parebhyaśca vistareṇa idānīṁ samprakāśayiṣyāmīti|

atha tatkṣaṇamātreṇa sucandro nāma gṛhapati [ḥ] paripūrṇakośakoṣṭāgāro babhūva| atha khalu sucandro gṛhapatiḥ bhagavantaṁ anekaśatasahasrakṛtvaḥ pradakṣiṇīkṛtya bhagavataḥ pādau śirasābhivandya bhagavantaṁ anekaśaḥ punaḥ punaravalokya bhagavato'ntikāt prakrāntaḥ|

atha khalu bhagavānāyuṣmantaṁ ānandaṁ āmantrayate sma| gaccha tvaṁ ānaṁda sucandrasya gṛhapateragāraṁ gatvā ca paripūrṇaṁ paśya sarvadhanadhānyahiraṇyaratnasuvarṇaiḥ sarvopakaraṇairmahākośakoṣṭāgārāṇi ca paripūrṇāni|

atha khalvāyuṣmān ānaṁdo bhagavataḥ pratiśrutya yena kośāmbī mahānagarī yena sucandrasya gṛhapateragāraṁ tenopasaṁkrāntaḥ| upasaṁkramyābhyantaraṁ praviśyādrākṣīt tat paripūrṇaṁ sarvadhanadhānyahiraṇyasuvarṇaiḥ sarvopakaraṇaiśca mahākośakoṣṭāgārāṇi ca paripūrṇāni| dṛṣṭvā ca vismito hṛṣṭaḥ santauṣṭaḥ udagra āttamanā pramuditaḥ prītisaumanasyajāto yena bhagavāṁstena upasaṁkrāntaḥ| upasaṁkramya bhagavataḥ pādau śirasābhivaṁdya bhagavantametadavocat| ko bhagavan hetuḥ kaḥ pratyayo'sya yena sucandro gṛhapatirmahādhano mahābhogo mahākośakoṣṭāgāraḥ sarvadhanadhānyasamṛddhaḥ saṁvṛttaḥ| bhagavānāha| śrāddhānaṁda sucandragṛhapatiḥ paramaśrāddhaḥ kalyāṇāśayaḥ| udgṛhītā ca teneyaṁ vasudhārā nāma dhāriṇī dhāritā vācitā deśitā grāhitā paryavāptā prakīrtitā anumoditā idānīṁ parebhyaśca saṁprakāśayiṣyati|

tena cānaṁda tvamapyudgṛhīṣvemāṁ vasudhārā nāma dhāriṇīṁ dhāraya vācaya deśaya grāhaya paryavāpnuhi pravarttaya prakīrtaya anumodaya parebhyaśca vistareṇa saṁprakāśaya| yasyeyaṁ kulaputrasya vā kuladuhiturvā hastagatā gṛhagatā pustakagatā bhaviṣyati na tasya rogadurbhikṣamarakakāṁtārādayo bhaviṣyanti krameṇa vibhavāstasya pravardhiṣyanti tad bhaviṣyati bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānukampāyai mahato janakāyasyārthāya sukhāya devānāṁ ca manuṣyāṇāṁ ca|

nāhaṁ ānaṁda taṁ dharme samanupaśyāmi sadevake loke samārake sabrahmake saśramanabrāhmaṇikāyāṁ prajāyāṁ sadevamānuṣāsurāyāṁ ca imāṁ vasudhārā nāma dhāriṇīṁ mahāvidyāṁ anyathā kariṣyati atikramiṣyati vā naitatsthānaṁ vidyate| tat kasya hetoḥ| abhedyā hyete ānaṁda vasudhārādhāriṇīmantrā na vaite kṣīṇakuśalamūlānāṁ sattvānāṁ śrutipatha[mapyā]gamiṣyanti kaḥ punarvādo pustakagatāmapi kṛtvā gṛhe dhārayiṣyanti| tat kasya hetoḥ| sarvatathāgatānāṁ hyetad vākyaṁ sarvatathāgataireṣā dhāriṇī bhāṣitā adhiṣṭhitā svamudrikayā mudritā prabhāvitā prakāśitā prakīrtitā anumoditā praśastā saṁvartitā vivṛtottānīkṛta ārocitā svākhyātā sunirdiṣṭā ca sarvasattvānāṁ daridrāṇāṁ nānāvyādhiparipīḍitānāṁ sarvaduṣṭabhayopadravāṇāṁ cārthāyeti|

ānanda āha| udgṛhītā me bhagavanniyaṁ vasudhārā nāma dhāriṇī dhāritā vācitā grāhitā deśitā pravarttitā prakīrtitā anumoditā manasā suparicimtitā|

atha khalvāyuṣmān ānaṁda utthāyāsanādekāṁsamuttarāsaṁgaṁ kṛtvā dakṣiṇajānumaṇḍalaṁ pṛthivyāṁ pratiṣṭhāpya yena bhagavāṁstenāṁjaliṁ praṇamya tasyāṁ velāyāṁ kṛtakarapuṭo bhūtvā idamudānayati sma|

aciṁtiyo bhagavān buddho buddhadharmo'pyaciṁtaya|
aciṁtayo hi'tra sattānāṁ vipākaścāpyaciṁtaya||
śāstrāya nehi sarvajña jarāmaraṇapāraga|
dharmarāja phalaprāptā buddhavīraṁ namostu te||

MỤC LỤC

